

Số 5-2018 (111)

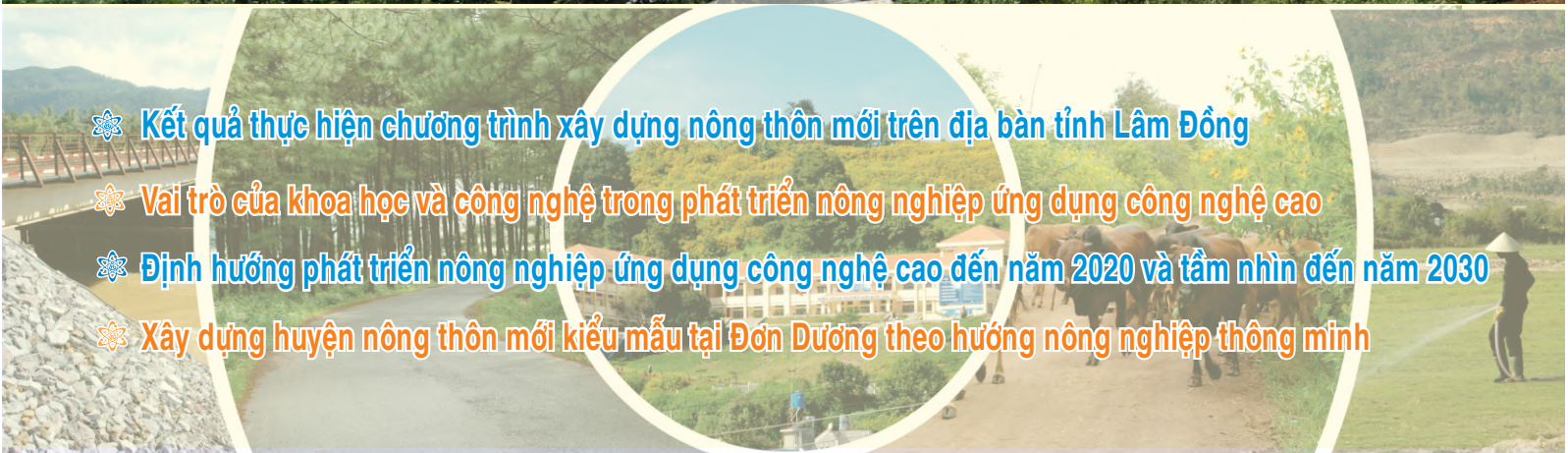
Khoa học & Công nghệ

LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG



- ✿ Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- ✿ Vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- ✿ Định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
- ✿ Xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu tại Đơn Dương theo hướng nông nghiệp thông minh





TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

★
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG★
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN

Địa chỉ: Số 36 Trần Phú - Tp. Đà Lạt

Điện thoại: 0263.3545479 - 0263.3833163

Email: trungtamthongtin@lamdongdost.gov.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Đỗ Minh Ngọc

Biên tập:

Ngô Đình Văn Châu

Nguyễn Thanh Nhân

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Trần Vũ Uyên Phương

Trình bày:

Trung tâm Thông tin và Thống kê KHCN

Ảnh bìa:

Nguyễn Hữu Đô

“Nông thôn mới huyện Đơn Dương”

| VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

- 1 Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 4 **Phạm Văn Kiên** - Phát huy vai trò của hội nông dân các cấp trong xây dựng nông thôn mới
- 7 **Huỳnh Minh Hải** - Ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chí nông thôn mới tại các xã
- 9 **Phạm Thị Nhâm** - Tình hình triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
- 10 Danh sách xã đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh Lâm Đồng
- 11 **Lê Thị Bé** - Xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu tại Đơn Dương theo hướng nông nghiệp thông minh (giai đoạn 2018-2025)
- 13 **Đặng Văn Khá** - Kết quả xây dựng nông thôn mới tại huyện Di Linh và định hướng trong thời gian tới
- 15 **Vũ Anh Tuấn Kiệt** - Kết quả triển khai xây dựng nông thôn mới tại huyện Đức Trọng
- 17 **Nguyễn Thị Huyền** - Huyện Bảo Lâm với chương trình xây dựng nông thôn mới

| HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- 19 **Nguyễn Hữu Nam** - Vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- 23 **Đào Văn Toàn** - Định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
- 25 **Thanh Dương Hồng** - Lạc Dương phát triển nông nghiệp công nghệ cao
- | **GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI - DỰ ÁN**
- 26 Danh mục các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được chuyển giao cho các huyện
- 28 **Trương La, Ngô Văn Bình** - Sử dụng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh - TMR (total mixed ration) để nuôi bò thịt tại Lâm Đồng
- | **KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG**
- 31 **Đoàn Bích Ngọc** - Khu biệt thự Lê Lai - Nơi hội tụ kiến trúc Pháp tại Đà Lạt
- 32 **Nguyễn Thọ Biên** - Cây Nho thân gỗ



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

Xác định xây dựng nông thôn mới (NTM) là một trong những Chương trình trọng tâm, trọng điểm có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng để thực hiện thành công Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, UBND tỉnh Lâm Đồng đã phê duyệt *Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015* và ban hành *Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020* để triển khai đồng bộ tại 117 xã nhằm phấn đấu đến năm 2015, có 43 xã, 1 huyện đạt chuẩn NTM; đến năm 2020, có 110 xã, 6 huyện đạt chuẩn NTM.

Ngày 05/8/2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1457/QĐ-UBND *quy định tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực để xây dựng NTM giai đoạn 2013-2020*; ngày 27/4/2017, ban hành Quyết định số 915/QĐ-UBND *quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020*; ngày 09/5/2017, ban hành Quyết định số 986/QĐ-UBND *quy định chi tiết một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2017-2020*.

Ngày 20/7/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1609/QĐ-UBND thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 do Chủ tịch UBND các cấp làm Trưởng ban.

Ban Thường vụ cấp ủy các cấp đã phân công đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban Thường trực Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM các cấp (tỉnh, huyện, xã) nhằm lãnh đạo, phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và huy động sự tham gia của nhân dân trong tỉnh.

Bên cạnh đó, xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình, đề án phục vụ Chương trình xây dựng NTM và tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về *Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020*; Đề án phát triển đường giao thông nông thôn; Đề án đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể nông nghiệp; Đề án xây dựng huyện Đơn Dương là huyện điểm NTM kiểu mẫu; Đề án chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm...

Ban chỉ đạo Chương trình và UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp quy định của Trung ương và điều kiện đặc thù của địa phương.

Qua các phong trào thi đua như phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng NTM; dân vận khéo; nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững... đã huy động được nguồn lực lớn trong dân và các thành phần kinh tế tham gia xây dựng NTM. Cụ thể, trong giai đoạn 2010-2017, toàn tỉnh huy động được 51.286 tỷ đồng cho xây dựng NTM, trong đó ngân sách nhà nước 6.037 tỷ đồng (chiếm 11,77%); vốn tín dụng 30.741 tỷ đồng (chiếm 59,94%); tổ chức, doanh nghiệp 4.862 tỷ đồng (chiếm 9,48%); vốn đóng góp của nhân dân 9.646 tỷ đồng (chiếm 18,81%).

Năm 2018, Ban chỉ đạo Chương trình và UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình.

Đồng thời, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã làm việc với các địa phương về tình hình thực hiện Chương trình xây dựng NTM và giảm nghèo bền vững; kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; tập trung chỉ đạo huyện Đơn Dương hoàn thiện hồ sơ phê duyệt *Đề án xây dựng huyện Đơn Dương đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2018-2025*; huyện Đức Trọng hoàn thành các tiêu chí để được công nhận đạt chuẩn NTM trong năm 2018; tiếp tục triển khai xây dựng *Đề án thí điểm xây dựng huyện NTM trong quá trình đô thị hóa giai đoạn 2017-2020*; thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện tại các xã, huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM. Chỉ đạo các địa phương triển khai rà soát, đánh



giá hiện trạng các tiêu chí để đảm bảo các xã hoàn thành bộ tiêu chí và đạt chuẩn NTM theo quy định.

Để hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do UBND tỉnh giao năm 2018, các địa phương đã ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch có liên quan; chỉ đạo các phòng, ban, UBND cấp xã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2016-2020, tập trung nguồn lực đầu tư cho các xã đã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2018.

Trong 8 tháng đầu năm 2018, tổng nguồn lực thực hiện Chương trình xây dựng NTM của tỉnh đạt trên 3.400 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước 777 tỷ đồng; vốn tín dụng gần 2.500 tỷ đồng; vốn do các tổ chức, doanh nghiệp 44 tỷ đồng; vốn đóng góp của nhân dân trên 112 tỷ đồng. Từ các nguồn đầu tư, tỉnh đã đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Trong đó, đã đầu tư, xây dựng, nâng cấp 192 công trình với 185 km đường giao thông nông thôn, 36 công trình thủy lợi nước sạch, 3 nhà văn hóa xã, 19 nhà văn hóa thôn, 41 trường học các cấp và nhiều công trình phúc lợi khác.

Kết quả thực hiện các tiêu chí NTM

Về xã NTM

Theo Nghị quyết số 493-NQ/UBTVQH14 ngày 12/4/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thị trấn Phước Cát (huyện Cát Tiên) được thành lập trên cơ sở xã Phước Cát 1 đã được công nhận đạt chuẩn NTM năm 2016. Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 147 đơn vị hành chính cấp xã gồm 116 xã, 18 phường và 13 thị trấn.

Đến hết tháng 8/2018, toàn tỉnh có 77/116 xã đạt chuẩn NTM, chiếm 66,38%. Có 16 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 22 xã đạt từ 10-14 tiêu chí; bình đạt quân 17,43 tiêu chí/xã. Riêng xã Prô (huyện Đơn Dương) đạt 19/19 tiêu chí; hiện đang lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2018.

Về huyện NTM

Huyện Đơn Dương đã đạt chuẩn huyện NTM năm 2015; là 1 trong 4 huyện của toàn tỉnh được chọn thực hiện *Đề án mô hình thí điểm huyện NTM kiểu mẫu của toàn quốc* và đang hoàn thiện Đề án "*Xây dựng huyện Đơn Dương đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2018-2025*".

Huyện Đức Trọng đã có 14/14 xã đạt chuẩn NTM; phần đầu đạt chuẩn huyện NTM trong năm 2018.



Đồng chí Nguyễn Xuân Tiến - UVTV Đảng, Bí thư Tỉnh ủy thăm mô hình trồng bắp cung cấp nguồn thức ăn cho bò sữa tại xã Đình Lạc, huyện Di Linh

Thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc có 100% số xã đạt chuẩn NTM; đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2018.

Dự kiến đến hết năm 2018, Lâm Đồng phấn đấu có thêm ít nhất 12 xã đạt chuẩn NTM, bình quân mỗi xã đạt từ 17,5 tiêu chí trở lên; huyện Đơn Dương và Đức Trọng được công nhận đạt chuẩn NTM; thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Với các xã đã đạt chuẩn NTM, tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí. Trong đó, tỉnh Lâm Đồng luôn chú trọng đến hoạt động tuyên truyền, vận động xây dựng NTM, cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và đặc biệt hướng đến bảo vệ môi trường nông thôn để đảm bảo xây dựng NTM bền vững.

Đánh giá chung

Với sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt là sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân, việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

- Công tác tuyên truyền, vận động đã đi vào chiều sâu; các cuộc vận động, phong trào thi đua đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện thông qua các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch cụ thể. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội đã tích cực, chủ động, đổi mới phương thức tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia và thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua xây dựng NTM.

- Việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, xây dựng các chương trình, đề án phục vụ Chương



Hội nghị "Xây dựng đề án huyện nông thôn mới kiểu mẫu"

trình xây dựng NTM đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để huy động sự tham gia, đóng góp của nhân dân và các tổ chức vào công cuộc xây dựng NTM; tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư, phát huy vai trò làm chủ của người dân.

- Công tác huy động các nguồn lực đạt kết quả tốt; vốn đóng góp của doanh nghiệp, nhân dân và vốn tín dụng đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn tăng hàng năm, tạo điều kiện phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng.

- Tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng NTM hàng năm đều hoàn thành đạt và vượt mục tiêu đề ra; các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo ở một số địa phương chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; năng lực, trình độ của cán bộ xây dựng NTM ở một số huyện, xã còn hạn chế. Mức đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM giai đoạn 2016-2020 được quy định cao hơn giai đoạn 2011-2015; các xã chưa đạt chuẩn hầu hết thuộc địa bàn khó khăn, vùng sâu, xa nên để thực hiện hoàn thành chỉ tiêu, kế hoạch được giao là khó khăn, thách thức cho các địa phương.

- Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn ở một số xã xuống cấp chưa được đầu tư, sửa chữa kịp thời.

- Công tác bảo vệ môi trường nông thôn đã được quan tâm nhưng kết quả đạt được chưa thực sự bền vững, kể cả đối với các huyện, xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM.

- Việc phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản

theo chuỗi giá trị còn hạn chế; thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn thấp.

Định hướng trong thời gian tới

Để phấn đấu đến năm 2020, có ít nhất 109 xã, từ 6 huyện trở lên đạt chuẩn NTM, bình quân toàn tỉnh đạt trên 18 tiêu chí/xã; xây dựng huyện Đơn Dương thành huyện NTM kiểu mẫu; các huyện còn lại, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc lựa chọn ít nhất 1 xã để xây dựng xã NTM kiểu mẫu, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; xem đây là 1 trong những giải pháp quan trọng để huy động toàn xã hội tham gia xây dựng NTM.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, chương trình, kế hoạch về phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Khẩn trương triển khai thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương vào điều kiện thực tế của tỉnh để huy động tối đa, hợp lý các nguồn lực của nhân dân, doanh nghiệp đầu tư phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng NTM phù hợp với khả năng và điều kiện của nhân dân.

- Tập trung chỉ đạo đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ liên kết, hợp tác, hỗ trợ cho nông dân trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp - nông thôn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, kinh tế ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh việc ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xem đây là khâu đột phá quan trọng để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thực hiện tốt công tác hướng nghiệp, quan tâm đầu tư đối với cơ sở và đội ngũ giáo viên dạy nghề.

- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ chương trình giảm nghèo bền vững. ■

(BBT tổng hợp)



PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỘI NÔNG DÂN CÁC CẤP TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

PHẠM VĂN KIÊN

Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng

Phong trào xây dựng nông thôn mới (NTM); thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và tham gia bảo đảm quốc phòng an ninh là 3 phong trào lớn được Hội Nông dân các cấp phát động và tổ chức thực hiện từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX.

Nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ban hành *Bộ tiêu chí quốc gia về NTM* với 19 tiêu chí, đồng thời phát động phong trào thi đua *"Cả nước chung tay xây dựng NTM"* tại Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày 20/9/2011. Từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi để đưa 3 phong trào lớn của Hội phát triển lên tầm cao mới; chuyển hướng và nâng cao vị thế, vai trò của Hội để có thể hòa cùng với cả hệ thống chính trị thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Chính vì vậy, tại Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đề án *Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020*; Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020* đã xác định Hội Nông dân đóng vai trò "trung tâm" của phong trào nông dân và là "nòng cốt" trong công cuộc xây dựng NTM.

Thực hiện chủ trương về xây dựng NTM và hưởng ứng phong trào thi đua *"Cùng cả nước, Lâm Đồng chung tay xây dựng NTM"* do Tỉnh ủy, UBND tỉnh Lâm Đồng phát động, Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân tỉnh lần thứ VII (nhiệm kỳ 2013-2018) đã khẳng định tầm quan trọng và ý nghĩa của phong trào xây dựng NTM; qua đó xác định vai trò, trách nhiệm của Hội trong triển khai thực hiện cuộc vận động.

Từ đó, phong trào *"Nông dân thi đua xây dựng NTM"* đã được phát động, triển khai tổ chức thực

hiện, bước đầu đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các cấp Hội đã chủ động phối hợp thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, đời sống văn hóa ở khu dân cư, bảo vệ môi trường và hệ thống chính trị; bộ mặt nông thôn ngày càng hoàn thiện, khởi sắc; đời sống của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đã có sức lan toả mạnh mẽ trong mỗi người dân, địa phương trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đa số người dân nhận thức được vai trò chủ thể của mình trong công cuộc xây dựng NTM nên đã tích cực, nhiệt tình tham gia, hưởng ứng. Qua đó thể hiện vai trò của Hội Nông dân các cấp trong việc tuyên truyền, vận động người dân địa phương chung tay góp sức, phát huy nội lực xây dựng NTM trên quê hương mình.

Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng hiện có 12 huyện, thành Hội trực thuộc, 145 cơ sở Hội, 1.443 chi hội; đến hết năm 2017, có 155.379 hội viên (chiếm khoảng 82,48% tổng số hộ nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh). Phát huy vai trò và trách nhiệm trong công cuộc xây dựng NTM, thời gian qua, Hội đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương tuyên truyền cho người dân nhận thức đúng quan điểm, chủ trương; cơ chế, chính sách của nhà nước về chương trình xây dựng NTM. Qua đó, đã giúp cán bộ, hội viên, nông dân xác định rõ nguyên tắc, phương châm của công cuộc xây dựng NTM là *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát và dân hưởng thụ"*; đồng thời thực hiện theo phương châm *"Nhân dân làm - nhà nước hỗ trợ"*.

Cán bộ Hội Nông dân các cấp luôn giữ tác phong gần gũi với nhân dân, biết trọng dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin nên kịp thời tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc của người dân nên việc tuyên truyền đã đem lại hiệu quả khá tốt. Người dân đã hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng NTM, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện quy hoạch NTM tại địa phương. Việc đầu tư xây dựng các



công trình cơ sở hạ tầng tại địa phương đều xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của người dân và do người dân bàn bạc, đề xuất, quyết định, nhất là việc đóng góp làm đường giao thông nông thôn.

Ngoài việc vận động hội viên đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn, Hội Nông dân các cấp còn tuyên truyền cho nông dân tham gia xây dựng NTM thông qua nhiều phong trào cụ thể, thiết thực như: phong trào nông dân thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi; đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học - kỹ thuật - công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp để gia tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích; xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tham gia bảo vệ tình hình an ninh trật tự tại địa phương...

Ngoài ra, Hội cũng trực tiếp triển khai và phối hợp thực hiện có hiệu quả một số chương trình, dự án bảo vệ môi trường ở vùng nông thôn tại các huyện Đạ Tẻh, Đơn Dương, Cát Tiên và thành phố Đà Lạt. Hội đã ký chương trình phối hợp liên tịch với Ban An toàn giao thông tỉnh Lâm Đồng về đẩy mạnh công tác giáo dục, vận động nông dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phối hợp với Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh trong công tác vận động nông dân thu gom rác thải, đảm bảo vệ sinh môi trường khu dân cư... Đồng thời, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, doanh nghiệp để vận động hội viên, nông dân tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tổ chức các cuộc thi như: "Tiếng hát đồng quê", "Giải bóng chuyền bông lúa vàng", "Bóng đá nông dân", "Nhà nông đua tài", "Nông dân với pháp luật"...; từ đó, đã tạo thêm nhiều sân chơi mới, bổ ích, thiết thực, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, mở rộng giao lưu học hỏi, hiểu biết cho nông dân.

Để giúp hội viên nông dân có vốn đầu tư phát triển sản xuất, đến hết năm 2017, nguồn vốn ủy thác từ Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lâm Đồng cho tổ chức Hội dư nợ đạt trên 9.000 tỷ đồng, với trên 900 Tổ tiết kiệm và vay vốn, 33.690 thành viên vay vốn từ 8 chương trình cho vay ưu đãi. Bên cạnh đó, Hội đã ký chương trình liên tịch với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về *Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*; thực hiện thí điểm cho 15 Tổ tiết kiệm và vay vốn vay với số tiền gần 14 tỷ đồng. Tín chấp vay vốn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank) trên 5 tỷ đồng. Bên

cạnh các nguồn vốn vay từ ngân hàng, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã tạo kênh dẫn vốn giúp nông dân có thêm nguồn lực đầu tư sản xuất, làm giàu và giảm nghèo bền vững. Đến hết năm 2017, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Lâm Đồng đạt 33 tỷ đồng, chủ yếu cho các hộ vay để hình thành các tổ liên kết, tổ hợp tác và hợp tác xã; giúp hội viên nông dân nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống, vươn lên làm giàu chính đáng. Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về *Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể*, hàng năm, Hội Nông dân các cấp đã hướng dẫn nông dân xây dựng hàng trăm mô hình kinh tế có hiệu quả trong nông nghiệp; đã tuyên truyền, vận động hội viên nông dân tích cực tham gia các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp và hợp tác xã. Đến hết năm 2017, toàn tỉnh có 127 hợp tác xã với 5.874 thành viên; 2 liên hiệp hợp tác xã với 13 hợp tác xã thành viên; 240 tổ hợp tác với 5.816 tổ viên.

Song song với công tác tạo vốn, giai đoạn 2012-2017, Hội đã tín chấp với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam để nông dân trong tỉnh mua 258 đầu máy nông nghiệp trị giá trên 4 tỷ đồng với hình thức trả chậm; ký tín chấp với Công ty Cổ phần phân bón Bình Điền Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Hà Nội trên 22 ngàn tấn phân bón các loại với trị giá gần 100 tỷ đồng, giúp nông dân được mua nguồn phân bón chất lượng tốt, giá cả hợp lý và được trả chậm 50%.

Bên cạnh đó, các cấp Hội trong tỉnh đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật; các cuộc hội thảo cho các hội viên nông dân về cách sử dụng phân bón hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi; tổ chức các điểm trình diễn, qua đó vận động nông dân làm theo các mô hình kinh tế có hiệu quả. Cùng với công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, Hội đã kết hợp với các ngành chức năng tổ chức các lớp học nghề cho cán bộ, hội viên; phối hợp với Ban Hợp tác Quốc tế Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc gia về phát triển bò sữa tại Lâm Đồng cho 60 cán bộ hội viên nông dân chăn nuôi bò sữa với số lượng lớn; dự án *"Nâng cao năng lực sản xuất, xuất khẩu rau, củ, quả tại Đà Lạt và vùng phụ cận"* do Cơ quan phát triển AFD (Pháp) tài trợ không hoàn lại với số tiền 397.000 Euros.

Giai đoạn 2012-2016, số hội viên, nông dân đăng ký đạt danh hiệu nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp tăng qua các năm. Cụ thể,



năm 2016, có 86.984 hộ đăng ký (chiếm 57% tổng số hội viên nông dân của tỉnh). Qua bình xét tiêu chí, có 61.836 hộ đạt danh hiệu hộ sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp; số hộ đạt danh hiệu sản xuất giỏi tăng 5.111 hộ (chiếm 9%) so với năm 2012; 4.519 hộ nông dân vươn lên thoát nghèo (chiếm 1,5% số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh). Hàng năm, có 90% gia đình hội viên nông dân đăng ký và đánh giá chấm điểm cuối năm; có 80-84% gia đình hội viên nông dân được công nhận gia đình văn hoá.

Với phương châm “*Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ*”, trong 5 năm (2012-2017), Hội Nông dân các cấp đã tích cực vận động nông dân đóng góp trên 125 tỷ đồng, hiến gần 370.000 m² đất, trên 150.000 ngày công lao động để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhà văn hóa, hội trường thôn... Xây dựng các mô hình xóa đói, giảm nghèo bền vững ở vùng sâu, xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo phương thức “*cầm tay, chỉ việc*”, “*lấy nông dân giỏi dạy lại cho nông dân*”... đã góp phần quan trọng vào thành công của chương trình xóa đói, giảm nghèo của tỉnh trong những năm qua.

Thực hiện Quyết định số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong 5 năm (2012-2017), Trung tâm Tư vấn Pháp luật Hội Nông dân tỉnh và Hội Nông dân các cấp đã tổ chức tuyên truyền phát luật, tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho 434.962 lượt hội viên nông dân; hàng tháng, đại diện Hội Nông dân các cấp đều tham gia các buổi tiếp công dân định kỳ cùng chính quyền để giải quyết các khiếu nại có liên quan đến nông dân; duy trì và phát huy hiệu quả các câu lạc bộ “*Nông dân với pháp luật*” do Hội Nông dân hướng dẫn thành lập ở các cơ sở Hội, góp phần ổn định tình hình chính trị, an ninh trật tự trong địa bàn toàn tỉnh nói chung và vùng nông thôn nói riêng.

Để tiếp tục phát huy vai trò trong xây dựng NTM của tỉnh, trong thời gian tới, các cấp Hội Nông dân cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục vận động, tổ chức nông dân tích cực tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng NTM có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại. Từng cấp Hội cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm để thực hiện tốt phương châm “*Nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ*” và thực hiện có nề nếp phương châm, quy trình “*Dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân kiểm tra - giám*

sát, dân thụ hưởng” trong vận động, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh. Đây chính là nội dung căn bản của công cuộc xây dựng NTM; là nội dung, mục tiêu của phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất - kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*”.

- Các cấp Hội cần chủ động tổ chức, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo, xây dựng các mô hình sản xuất, điểm trình diễn... để chuyển giao, giúp nông dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao trình độ sản xuất cho nông dân ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực.

- Đẩy mạnh, mở rộng sự phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội nhằm tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ nông dân có điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh; xem đây là một trong những hoạt động nhằm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, góp phần đáp ứng lợi ích của nông dân; tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục tư tưởng chính trị, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; thu hút nông dân vào Hội, hội viên ngày càng gắn bó với Hội. Đồng thời phát huy tinh nhiệt tình, chủ động của nông dân tham gia chương trình xây dựng NTM tại địa phương.

- Chủ động tổ chức, phối hợp với các ban, ngành tuyên truyền, vận động nông dân xây dựng, tham gia các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển kinh tế trang trại, gia trại, các câu lạc bộ nghề nghiệp, các tổ - nhóm hợp tác, các liên minh sản xuất gắn kết 4 nhà “*Nhà nước, Nhà doanh nghiệp, Nhà khoa học, Nhà nông*”, giúp nông dân ngày càng phát triển bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nông dân tích cực tham gia bảo đảm quốc phòng - an ninh; phòng, chống tệ nạn xã hội; hăng hái tham gia cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống ở khu dân cư... Tổ chức các hoạt động giáo dục, văn hóa, xã hội để nâng cao dân trí, thể lực, đời sống tinh thần của nông dân, góp phần nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị để đủ sức làm chủ NTM trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. ■



ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ

HUỶNH MINH HẢI

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, trong đó có tiêu chí “Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành”, trong những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin từ cấp tỉnh đến cấp xã, tạo nền tảng triển khai các phần mềm ứng dụng trong cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh như phần mềm một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến; phần mềm văn phòng điện tử, hệ thống mail công vụ; các phần mềm nội bộ khác nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp; cung cấp dịch vụ công đến người dân, từng bước góp phần hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Những năm trước đây, do cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin (máy tính, đường truyền...) của các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp xã còn lạc hậu, chưa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành xuyên suốt của các cấp, nên Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh đã tham mưu triển khai hệ thống mail công vụ cho các cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng tại địa chỉ <https://mail.lamdong.gov.vn>. Đây là hệ thống mail do tỉnh Lâm Đồng quản lý, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin hơn so với các hệ thống mail khác hiện có. Đến nay, 147/147 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; hầu hết cán bộ, công chức, viên chức (CBCCV) cấp xã đã được cấp hộp thư điện tử công vụ, với dung lượng 4 GB/mail. Việc sử dụng hiệu quả hệ thống mail công vụ tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh góp phần rút ngắn thời gian xử lý, trao đổi công việc, tài liệu giữa các cơ quan nhà nước, CBCCV; tiết kiệm thời gian, chi phí in ấn tài liệu, đi lại của CBCCV, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó giúp CBCCV nhận thức rõ vai trò, tiện ích của việc ứng dụng thư điện tử trong quá trình trao đổi công việc; gửi và nhận văn bản, tài liệu.

Bên cạnh đó, từ năm 2012 đến nay, phần mềm quản lý điều hành văn bản điện tử (VBĐT) thuộc hệ thống phần mềm trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp và quản lý trình duyệt công văn, văn bản, hồ sơ công việc trên mạng máy tính với thiết kế thân thiện, dễ sử dụng đã được triển khai tại 147/147 cơ quan, đơn vị cấp xã, phường, thị trấn (đạt tỷ lệ 100%); góp phần làm thay đổi tư duy làm việc từ thủ công, sử dụng văn bản giấy sang việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của CBCCV, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tác nghiệp; giảm phát hành văn bản giấy, tiết kiệm thời gian, kịp thời nắm bắt các thông tin chỉ đạo, điều hành của cấp trên, từng bước hiện đại hóa công tác xử lý công việc tại cơ quan cấp xã; thống nhất và tin học hóa các quy trình hoạt động tác nghiệp, các hình thức tiếp nhận, lưu trữ, phổ cập, trao đổi, tra cứu, xử lý thông tin. Hiện nay, phần mềm VPĐT đã được kết nối đến trực tiếp kết nối liên thông văn bản điện tử tỉnh Lâm Đồng; hệ thống trực liên thông kết nối liên thông từ Trung ương đến cấp xã.

Song song với việc triển khai phần mềm VBĐT, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cũng đã triển khai hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động cải cách hành chính; qua đó, các tổ chức, cá nhân có thể giao tiếp với cơ quan nhà nước 24/24 giờ thông qua hệ thống kết nối mạng internet. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ, cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng, tạo điều kiện và hỗ trợ cho cơ quan nhà nước có phương tiện làm việc hiện đại, từng bước thay đổi phong cách làm việc, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả trong công tác giải quyết hồ sơ cho các tổ chức và cá nhân; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết công việc, đồng thời giúp cơ quan nhà nước tiết kiệm chi phí, thời gian. Qua đó bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức của đội ngũ CBCCV trong các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là các công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại các đơn vị. Mặt khác, việc triển khai hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến còn tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong công tác chỉ đạo, điều



Giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh

hành nhanh chóng, xuyên suốt và kịp thời; giúp cơ quan cấp trên quản lý hiệu quả; đồng thời tránh tình trạng cửa quyền, gây khó khăn của CBCCVC nhà nước khi tiếp xúc, xử lý công việc với tổ chức, cá nhân; tiết kiệm thời gian, chi phí. Cụ thể, khi cá nhân, tổ chức sử dụng các dịch vụ công mức độ 3, 4, người nộp hồ sơ không phải đến cơ quan nhà nước giải quyết thủ tục hành chính mà có thể nộp trực tuyến tại địa chỉ <https://motcua.lamdong.gov.vn/>. Ngoài ra, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến còn là công cụ hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân về thành phần hồ sơ, phí, lệ phí cần nộp; là công cụ giúp các tổ chức, cá nhân giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước.

Đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã triển khai 133 hệ thống mạng LAN, 49 hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến cho các xã, phường, thị trấn. Cuối quý III/2018, tiếp tục triển khai đến toàn bộ 147/147 xã, phường, thị trấn có mạng LAN; 84/147 xã, phường, thị trấn có hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tại các cơ quan hành chính cấp xã nhằm thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình xây dựng Chính phủ điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao trình độ ứng dụng và sử dụng công cụ công nghệ thông tin, góp phần hoàn thành tiến độ thực hiện tiêu chí của ngành thông tin và truyền thông trong xây dựng nông thôn mới.

Đến nay, tất cả các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành tiêu chí “*Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành*” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. ■

Cơ sở pháp lý để tổ chức triển khai ISO hành chính cấp xã

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 được triển khai tại các cơ quan hành chính nhà nước từ năm 2002 đã đem lại hiệu quả nhất định cho công tác quản lý nhà nước, góp phần quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính. Nhằm đảm bảo sự đồng bộ, chất lượng đồng đều trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng các dịch vụ công, tạo sự hài lòng cho người dân khi đến giải quyết công việc tại các cơ quan hành chính nhà nước, năm 2018, hoạt động áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 được triển khai tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về *Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước*, UBND xã, phường, thị trấn thuộc đối tượng khuyến khích áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (áp dụng ISO) vào hoạt động tại đơn vị. Theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ, việc áp dụng ISO tại UBND cấp xã được xem là một tiêu chí để đánh giá chỉ số cải cách hành chính. Như vậy, việc áp dụng ISO tại UBND cấp xã không chỉ giúp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước mà còn nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân.

Để nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Lâm Đồng, ngày 31/01/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND phê duyệt *Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Đây là nền tảng để triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về *Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân*.

Các kết quả bước đầu

Theo Quyết định số 218/QĐ-UBND, trong năm 2018, triển khai thí điểm áp dụng ISO tại 24 UBND cấp xã; đến năm 2021, 100% UBND cấp xã (tương đương 147 xã, phường, thị trấn của toàn tỉnh) đều áp dụng ISO.

Trong năm 2018, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức đấu thầu, lựa chọn đơn vị tư vấn để tham gia tư vấn, phối hợp kiểm tra tình hình triển khai thí điểm áp dụng ISO tại 24 UBND cấp xã theo kế hoạch; xây dựng mô hình khung chung cho tất cả các TTHC áp dụng tại cấp xã để triển khai thí điểm; triển khai áp dụng đồng loạt tại các UBND cấp xã nhằm tiết kiệm chi phí cho từng đơn vị. Để thực

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001 TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

ThS. PHẠM THỊ NHÂM

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

hiện tốt các nội dung theo kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành khảo sát 24 UBND cấp xã thí điểm nhằm phân loại theo số lượng hồ sơ phát sinh, trình độ quản lý, điều kiện về nguồn lực để có biện pháp triển khai phù hợp.

Để thuận tiện cho việc chỉ đạo, đôn đốc, giám sát tình hình áp dụng ISO tại cấp xã, UBND các huyện, thành phố là đơn vị chủ trì tổ chức áp dụng ISO tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn. Tổ công tác điều hành việc áp dụng ISO tại 24 đơn vị thí điểm là đại diện UBND các huyện, thành phố và các sở có liên quan như Sở Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ.

Đến nay, 24 đơn vị cấp xã thí điểm đã được khảo sát; đào tạo về ISO; áp dụng các quy trình thủ tục theo ISO; kiểm soát các quá trình; đánh giá nội bộ các hoạt động của đơn vị; hoàn thiện các quy trình, cách thức giải quyết công việc và thực hiện công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001. Trong quý IV/2018, Tổ công tác sẽ phối hợp với các chuyên gia tiến hành kiểm tra việc áp dụng ISO tại 24 đơn vị thí điểm; đánh giá kết quả đạt được và đề xuất mô hình khung chung cho các quy trình thực hiện tại UBND cấp xã; trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai cho tất cả các UBND cấp xã còn lại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Được sự quan tâm, chủ động của hầu hết các thành viên Tổ công tác, lãnh đạo UBND các huyện, xã đã giúp việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 đạt được những hiệu quả nhất định. Bước đầu nâng cao được tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, cải thiện mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và nhân dân; rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí tổ chức triển khai so với quy định. Cụ thể:

Về thời gian: sau khi tổ chức triển khai thí điểm tại 24 đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã đề xuất các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai cho các UBND cấp xã còn lại đến năm 2020. Hầu hết các huyện, thành phố sẽ hoàn thành việc thực hiện áp dụng ISO cho cấp xã vào năm 2019. Riêng UBND huyện Đạ Hoai, Lạc Dương sẽ hoàn thành vào năm 2018. UBND thành phố Bảo Lộc và UBND huyện Lâm Hà, Di Linh sẽ kéo dài việc triển khai áp dụng ISO cấp xã đến năm 2020 đáp ứng theo



Đào tạo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 cho UBND cấp xã

tinh thần của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc áp dụng ISO cho cấp xã sẽ phấn đấu kết thúc vào năm 2019 để chuẩn hóa quy trình giải quyết các TTHC làm cơ sở cho việc xây dựng và thực hiện phần mềm giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Về kinh phí: tổng kinh phí triển khai áp dụng ISO tại 147 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh là 2.668 triệu đồng, trong đó kinh phí cấp cho 24 UBND cấp xã triển khai thí điểm là 716 triệu đồng; 122 UBND cấp xã còn lại là 1.952 triệu đồng. Như vậy, tiết kiệm 5,852 triệu đồng so với định mức chi tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2016 của Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Kế hoạch thực hiện trong thời gian tới

Sau khi 24 đơn vị thí điểm công bố việc áp dụng ISO, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ trình UBND tỉnh ban hành mô hình tài liệu chung áp dụng cho các UBND cấp xã còn lại. Đồng thời sẽ hỗ trợ UBND huyện Đạ Hoai và Lạc Dương tổ chức hoàn thành việc áp dụng ISO cho tất cả các UBND cấp xã còn lại trong năm 2018. Chuẩn hóa các quy trình để phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phần mềm giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để tiếp nhận hồ sơ điện tử. ■



DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

Đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã có 78 xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận.

STT	Huyện/thành phố	Xã đạt chuẩn	Năm công nhận
1	Thành phố Đà Lạt	Trạm Hành	2014
		Xuân Thọ	2014
		Xuân Trường	2014
		Tà Nung	2015
2	Thành phố Bảo Lộc	Lộc Thanh	2014
		Lộc Châu	2014
		Đam B'ri	2014
		Lộc Nga	2015
		Đại Lào	2015
3	Huyện Đạ Huoai	Đạ Oai	2014
		Đạ Tồn	2016
		Hà Lâm	2017
		Đạ M'ri	2017
4	Huyện Lạc Dương	Đạ Nhim	2016
		Đạ Sar	2017
5	Huyện Cát Tiên	Quảng Ngãi	2015
		Gia Viễn	2015
		Đức Phổ	2015
		Phước Cát I	2016
		Tiên Hoàng	2017
		Phước Cát 2	2017
6	Huyện Di Linh	Tân Châu	2014
		Gia Hiệp	2015
		Hòa Bắc	2015
		Hòa Ninh	2016
		Gung Ré	2016
		Hòa Trung	2016
		Đình Lạc	2016
		Hòa Nam	2017
		Tân Nghĩa	2017
		7	Huyện Đam Rông
8	Huyện Đạ Tẻh	Đạ Kho	2015
		An Nhơn	2015
		Hà Đông	2015
		Quảng Trị	2016
		Hương Lâm	2017
		Triệu Hải	2017
		Quốc Oai	2017

STT	Huyện/thành phố	Xã đạt chuẩn	Năm công nhận
9	Huyện Lâm Hà	Gia Lâm	2014
		Đông Thanh	2014
		Đạ Đờn	2016
		Nam Hà	2016
		Tân Văn	2016
		Phúc Thọ	2017
		Đan Phượng	2017
		Hoài Đức	2017
		Phú Sơn	2017
10	Huyện Bảo Lâm	Tân Hà	2018
		Lộc An	2014
		Lộc Quảng	2015
		Lộc Thành	2015
		Lộc Phú	2016
		B' Lá	2016
		Lộc Đức	2016
		Tân Lạc	2016
		Lộc Ngãi	2017
		Lộc Tân	2017
11	Huyện Đức Trọng	Bình Thạnh	2014
		Liên Hiệp	2014
		Tân Hội	2014
		Ninh Gia	2015
		Hiệp An	2015
		Phú Hội	2015
		Hiệp Thạnh	2015
		N'Thol Hạ	2016
		Đà Loan	2016
		Tà Hine	2016
		Ninh Loan	2017
		Tân Thành	2017
		Tà Năng	2017
Đa Quyn	2018		
12	Huyện Đơn Dương	Ka Đơn	2014
		Ka Đô	2014
		Lạc Xuân	2014
		Lạc Lâm	2014
		Quảng Lập	2014
		Đạ Ròn	2015
		Tu Tra	2015



XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TẠI ĐƠN DƯƠNG THEO HƯỚNG NÔNG NGHIỆP THÔNG MINH (Giai đoạn 2018-2025)

LÊ THỊ BÉ

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đơn Dương

Chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong những chương trình trọng tâm của Đảng bộ huyện Đơn Dương, được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ X, nhiệm kỳ 2010-2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ XI, nhiệm kỳ 2016-2020.

Nhằm triển khai chương trình do Nghị quyết Đại hội đề ra, các cấp, ngành của huyện đã tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm với nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, trong đó tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghệ cao. Cụ thể, tăng trưởng trong giai đoạn 2010-2015 đạt 14,8%/năm; năm 2015, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đạt 175 triệu/ha/năm, thu nhập bình quân đạt 48 triệu đồng/người/năm. Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư nâng cấp khá đồng bộ; lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ từng bước phát triển; lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến rõ nét, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, diện mạo nông thôn ngày càng đổi mới; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hệ thống chính trị hoạt động đồng bộ. Với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở cùng sự đồng thuận của nhân dân, sự hỗ trợ của các cấp, ngành, qua 5 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện Đơn Dương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Huyện nông thôn mới tại Quyết định số 1507/QĐ-TTg ngày 01/9/2015.

Sau khi được công nhận Huyện nông thôn mới, UBND huyện đã xây dựng Đề án giữ vững và nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới nhằm xây dựng huyện Đơn Dương phát triển toàn diện; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; gắn phát triển nông thôn với đô thị, xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng ổn định, giàu bản sắc văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn vững mạnh, hoạt động đồng bộ, hiệu quả; quốc phòng an ninh, trật tự được giữ vững;



Lễ trao quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Đơn Dương đạt chuẩn nông thôn mới

không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Qua thời gian triển khai thực hiện, diện mạo nông thôn trên địa bàn huyện có nhiều khởi sắc; kết cấu cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp; sản xuất phát triển nhanh; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Đến cuối năm 2017, giá trị sản xuất đạt trên 200 triệu đồng/ha/năm; thu nhập bình quân đạt trên 58 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn 3,01%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn 6,34%.

Hiện nay, huyện đang tập trung xây dựng Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2018-2025 trình UBND tỉnh Lâm Đồng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt.

Mục tiêu đến năm 2020, huyện Đơn Dương cần đạt được một số chỉ tiêu chính sau:

- Giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha đất canh tác.
- Thu nhập bình quân 75 triệu đồng/người/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo dưới 1,12%.
- Diện tích sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao ngày càng tăng; từng bước phát triển sản xuất cây, con chủ lực theo hướng nông nghiệp thông minh.



Để đạt được các chỉ tiêu trên, huyện Đơn Dương đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện như sau:

1. Công tác quy hoạch

Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất rau, hoa và chăn nuôi bò sữa theo hướng nông nghiệp thông minh.

2. Tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh

- Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao hướng đến nông nghiệp thông minh.

- Củng cố, phát triển kinh tế hợp tác, phát triển doanh nghiệp, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Chú trọng việc xây dựng, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý đối với các loại sản phẩm đặc trưng của huyện; khuyến khích sử dụng nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”.

- Tăng cường chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ.

- Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh như phát triển các cơ sở cung cấp cây giống, thiết bị, công nghệ sinh học...

- Phát triển đàn bò sữa theo hướng tăng quy mô, chất lượng đàn; nâng cao chất lượng sữa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi bò sữa điển hình. Tăng cường cơ giới hóa, hiện đại hóa đồng bộ các khâu trong chăn nuôi bò sữa.

- Xây dựng và phát triển các mô hình nông nghiệp kết hợp du lịch canh nông.

3. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thông minh

- Nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng vùng sản xuất công nghệ cao; hệ thống thủy lợi nhằm chủ động cung cấp nguồn nước phục vụ sản xuất, ứng dụng rộng rãi các hình thức tưới tiết kiệm.

- Nâng cấp hệ thống điện phục vụ sản xuất.

- Khuyến khích đầu tư các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản sau thu hoạch.

Trong thời gian tới, để tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án xây dựng huyện nông thôn mới kiểu mẫu, cần sự quan tâm của các cấp, ngành; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh; đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất. Hy vọng đến năm 2020, huyện Đơn Dương sẽ có nhiều mô hình điển hình về nông nghiệp công nghệ cao theo hướng thông minh, từ đó làm cơ sở nhân rộng trong các giai đoạn tiếp theo. ■



Diện mạo nông thôn mới tại xã Hoà Ninh

Ngày 13/7/2016, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1556/QĐ-UBND phê duyệt Đề án xây dựng huyện Di Linh đạt chuẩn huyện nông thôn mới (NTM) vào năm 2019. Trong quá trình xây dựng huyện Di Linh đạt chuẩn NTM còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, với sự quan tâm, hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ của các cấp, ngành cùng sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn huyện, đến nay, phong trào xây dựng NTM trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh; bức tranh tổng thể về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của huyện có nhiều khởi sắc; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đang từng bước phát triển đồng bộ; đời sống, thu nhập của người dân không ngừng được nâng cao; an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo ngày càng được quan tâm; các điều kiện về giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được cải thiện. Đến hết tháng 7/2018, toàn huyện có 9 xã đạt chuẩn NTM; 3 xã đạt 17-18 tiêu chí; 6 xã đạt 11-14 tiêu chí.

Thực hiện chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả sau:

Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

- *Giao thông*: từ năm 2016 đến hết quý II/2018, huyện đã đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 57,46 km đường giao thông nông thôn, đảm bảo đạt chuẩn kết nối với mạng giao thông liên vùng, liên kết trung tâm huyện và khu vực. Có 18/18 xã đạt tiêu chí về giao thông.

- *Thủy lợi*: cải tạo, sửa chữa nâng cấp 9 hồ chứa; 2 đập; phát triển 285 ao, hồ nhỏ. Có 18/18 xã đạt tiêu chí về thủy lợi.

- *Điện*: tiếp tục đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống các công trình điện đảm bảo ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn. Trong các năm 2016-2017, đầu tư xây dựng mới 69 trạm biến áp, cải tạo nâng



KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN DI LINH VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

ĐẶNG VĂN KHÁ

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Di Linh

cấp 45 trạm. Kế hoạch năm 2018, cải tạo nâng cấp và xây mới 24 trạm biến áp; 0,281 km đường dây trung thế; tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99%. Có 18/18 xã đạt tiêu chí về điện.

- *Trường học*: hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trường học theo tiêu chuẩn NTM nhằm chuẩn hóa về giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đến 30/6/2018, có 10/18 xã đạt tiêu chí về trường học.

- *Cơ sở vật chất văn hóa*: giai đoạn 2016-2017, xây mới 32 nhà văn hóa thôn, cải tạo 4 nhà văn hóa thôn. Năm 2018, xây mới nhà văn hóa xã Tân Lâm, 5 nhà văn hóa thôn, cải tạo 8 nhà văn hóa thôn. Có 17/18 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa.

- *Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*: qua khảo sát cho thấy, có 3 xã không quy hoạch chợ; 5 xã điều chỉnh quy hoạch chợ giai đoạn 2020-2025; 5 xã có chợ; 5 xã có cụm, điểm thương mại dịch vụ đạt tiêu chí.

- *Thông tin truyền thông*: tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông. Có 18/18 xã đạt tiêu chí về thông tin truyền thông.

- *Nhà ở dân cư nông thôn*: nâng cấp, xây dựng mới 173 căn nhà tạm; giải tỏa 10 căn theo quy hoạch; tập trung vận động nhân dân chỉnh trang nhà ở, nhất là khu vực dân cư đồng bào dân tộc thiểu số. Đến 30/6/2018, có 18/18 xã đạt tiêu chí về nhà ở nông thôn.

Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập

- *Về trồng trọt*: tập trung đầu tư thâm canh 41.718 ha cà phê trên địa bàn huyện theo hướng phát triển bền vững, hiệu quả, chất lượng cao. Trồng xen 5.329,7 ha, trong đó 1.631,8 ha sầu riêng; 1.815 ha bơ; 960 ha mắc ca; 922,9 ha hồ tiêu.

- *Về chăn nuôi*: toàn huyện có 6.784 con bò thịt; 329 con bò sữa; 34.496 con heo; 795.960 con gia cầm và thủy cầm. Đến cuối năm 2017, giá trị sản xuất đạt 133-135 triệu đồng/ha; thu nhập bình quân đạt 50 triệu đồng/người/năm; tổng số hộ nghèo đa chiều toàn huyện giảm còn 2.443 hộ, chiếm tỷ lệ 6,14%. Hiện toàn huyện có 14 hợp tác xã nông nghiệp.

Đến 30/6/2018, có 14/18 xã đạt tiêu chí về thu nhập; 13/18 xã đạt tiêu chí về hộ nghèo; 13/18 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất; 18/18 xã đạt tiêu chí về tỷ lệ lao động có việc làm.

Về phát triển giáo dục, văn hóa - xã hội và môi trường

- *Giáo dục*: tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng toàn diện; động viên thanh, thiếu niên trong độ tuổi đến trường học văn hóa, học nghề. Đến nay, đã hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trẻ mầm non 5 tuổi; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông đạt 80%; 35% lao động đã qua đào tạo.

- *Y tế*: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện, các Trạm Y tế xã và Phòng khám đa khoa khu vực. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến tháng 6/2018 đạt 82,17%. Có 17/18 xã đạt chuẩn về y tế.

- *Văn hóa*: các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn tiếp tục được xã hội hóa; chất lượng xây dựng gia đình văn hóa, đô thị văn minh gắn với xây dựng NTM được nâng cao. Có 13/18 xã đạt chuẩn về văn hóa.

- *Môi trường*: 96% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 50% hộ sử dụng nước sạch; 99% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến nông - lâm sản cam kết bảo vệ môi trường; 80% hộ có chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh; 95% hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước); quy hoạch, quản lý nghĩa trang theo quy định; cảnh quan môi trường được giữ gìn xanh - sạch - đẹp. Có 14/18 xã đạt chuẩn về môi trường và an toàn thực phẩm.

Về quốc phòng - an ninh

- *Quốc phòng*: công tác huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ tại các xã, thị trấn, các cơ quan nhà nước tiếp tục được duy trì và thực hiện có hiệu quả; sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm trực 24/24 đối với các mục tiêu quan trọng.

- *An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*: tiếp tục duy trì an ninh ổn định tại từng xã; công tác quản lý, kiểm tra các địa bàn, đối tượng được tăng cường; duy trì tốt công tác trực ban, trực chiến theo quy định; UBND các xã đã xây dựng mô hình "Tiếng kèn an ninh", "Cổng rào an ninh, đội tuần tra tự quản" ở các thôn nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ở địa phương. Đến hết năm 2017, có 18/18 xã đạt tiêu chí về quốc phòng và an ninh.



Đồng chí Nguyễn Xuân Tiến, UVTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, cùng lãnh đạo một số ngành kiểm tra xây dựng NTM tại xã Gung Ré, huyện Di Linh

Từ năm 2016 đến hết tháng 6/2018, huyện đã huy động 10.611,913 tỷ đồng từ vốn ngân sách nhà nước, vốn lồng ghép, vốn tín dụng, vốn nhân dân và doanh nghiệp đóng góp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện chương trình xây dựng NTM trên địa bàn huyện còn một số hạn chế, tồn tại như:

- Công tác tuyên truyền, vận động của một số địa phương chưa thực sự hiệu quả.
- Nguồn lực đầu tư xây dựng NTM còn hạn hẹp; huy động đóng góp của nhân dân chưa cao.
- Sản xuất nông nghiệp tuy đạt nhiều thành tựu, song chất lượng, hiệu quả, tính bền vững chưa cao; giá trị thu nhập còn thấp.

Định hướng trong thời gian tới

Phấn đấu đến năm 2021, toàn huyện có 18/18 xã đạt chuẩn NTM, trong đó giai đoạn 2018-2021, tăng thêm 9 xã, cụ thể: năm 2018: 3 xã (*Tân Thượng, Tân Lâm, Liên Đám*); năm 2019: 2 xã (*Tam Bồ, Đinh Trang Hòa*); năm 2020: 2 xã (*Bảo Thuận, Đinh Trang Thượng*); năm 2021: 2 xã (*Gia Bắc, Sơn Điền*).

Để xây dựng huyện Di Linh đạt chuẩn huyện NTM vào năm 2021, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nâng cao, đổi mới công tác tuyên truyền, vận động có hiệu quả và thực chất; tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức và hành động về xây dựng NTM của nhân dân; tập trung công tác tuyên truyền trực quan tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao kỹ năng tuyên truyền, vận động của cán bộ cấp xã, thôn.
- Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thi công để hoàn thành các hạng mục, công trình trong

Kết quả tổng hợp thực hiện theo Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

- + 9 xã đã đạt chuẩn NTM: Tân Châu, Gia Hiệp, Hoà Bắc, Hoà Ninh, Hoà Trung, Đinh Lạc, Gung Ré, Hòa Nam, Tân Nghĩa.
- + 3 xã đạt từ 17-18 tiêu chí: Tân Thượng, Tân Lâm, Liên Đám.
- + 6 xã đạt từ 11-14 tiêu chí: Tam Bồ, Đinh Trang Hoà, Bảo Thuận, Gia Bắc, Đinh Trang Thượng, Sơn Điền.

nguồn vốn xây dựng NTM và các nguồn vốn lồng ghép hiệu quả, đúng mục đích, yêu cầu; đào tạo, tập huấn nghề cho lao động nông thôn thông qua các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề của nhà nước; kết hợp lồng ghép có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tranh thủ, huy động tối đa các nguồn lực xây dựng NTM; đẩy mạnh hình thức xã hội hóa nguồn lực; tập trung nguồn lực từ ngân sách vào xây dựng các công trình cấp bách, trọng điểm như thủy lợi, trường học, trạm y tế, đường giao thông, các công trình phúc lợi công cộng...; thực hiện quyết liệt công tác giảm nghèo đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tập trung phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gắn xây dựng NTM với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, phát triển nông nghiệp chất lượng cao và bền vững để đầu tư thâm canh đạt năng suất cao, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Phát triển mạnh kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã kiểu mới để thực hiện kết nối đầu ra, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng các chuỗi liên kết giá trị sản xuất, đảm bảo nông sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; có tem nhãn điện tử, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; sản phẩm được ký kết hợp đồng tiêu thụ, đầu ra ổn định.

- Phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng tổng hợp, đa canh với mô hình hiệu quả đa cây, đa con, trong đó xác định cà phê là cây chủ lực, mũi nhọn; trồng xen một số cây có giá trị kinh tế cao, nhu cầu thị trường lớn, phù hợp với đất đai, khí hậu, điều kiện chăm sóc của người dân. Bên cạnh đó, phát triển chăn nuôi với quy mô phù hợp, trong đó phát triển chăn nuôi bò thịt và bò sữa là hướng đột phá trong ngành chăn nuôi.

- Xây dựng, bảo vệ, gìn giữ môi trường xanh, sạch, đẹp; phát triển trồng rừng, cây phân tán; xây dựng phương án bảo vệ môi trường, giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động của biến đổi khí hậu. ■



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN ĐỨC TRỌNG

VŨ ANH TUẤN KIỆT

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đức Trọng

Huyện Đức Trọng nằm ở vị trí đầu mối giao thông huyết mạch của tỉnh Lâm Đồng với quốc lộ 20 (Đà Lạt - thành phố Hồ Chí Minh), quốc lộ 27 (Ninh Thuận - Đắc Lắc), cao tốc (Đà Lạt - Dầu Giây), tỉnh lộ 724 (Đức Trọng - Bắc Bình, Bình Thuận)...; có Cảng hàng không Liên Khương nên thuận lợi để phát triển nền kinh tế hướng ngoại với cả 3 thế mạnh là nông nghiệp, lâm nghiệp - công nghiệp và dịch vụ.

Nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, trong đó đề ra mục tiêu "Xây dựng nông thôn mới (NTM) có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao; môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường", ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ban hành *Bộ tiêu chí quốc gia về NTM*; đồng thời chọn xã Tân Hội, huyện Đức Trọng là 1 trong 11 xã điểm của cả nước và là xã đại diện cho 5 tỉnh Tây Nguyên để xây dựng thí điểm mô hình NTM. Đến ngày 05/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 558/QĐ-TTg ban hành *Tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM*; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 ban hành *Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020*.

Hiện nay, trong 14 xã thực hiện triển khai xây dựng xã NTM tại huyện Đức Trọng, xã Tân Hội là xã điểm của Trung ương, 5 xã ưu tiên của tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2015, 8 xã thuộc giai đoạn 2011-2020. Bằng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và của toàn dân, đến nay, huyện Đức Trọng đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Các cấp, ngành đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình khá đồng

bộ; nhiều cơ chế, chính sách được ban hành có tác dụng thiết thực, trở thành động lực thúc đẩy tiến độ triển khai.

Thông qua thực hiện phong trào thi đua "Cùng cả nước, Lâm Đồng chung tay xây dựng NTM", hệ thống thông tin tuyên truyền của huyện về NTM hoạt động liên tục, phong phú dưới nhiều hình thức; nhận thức của người dân có sự chuyển biến rõ rệt; dân chủ cơ sở, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân từng bước được nâng lên; công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân được quan tâm đầu tư; cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

Đến cuối tháng 8/2018, huyện Đức Trọng đã có 14/14 xã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Bên cạnh đó, huyện cũng đã hoàn thành 6 tiêu chí huyện NTM; 3 tiêu chí cũng tiệm cận đạt chuẩn.

Để thực hiện mục tiêu xây dựng huyện Đức Trọng đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM vào năm 2018, trong đó 14/14 xã hoàn thành 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia NTM, hoàn thành 100% tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân và xây dựng NTM, nhất là quan điểm "nông dân là chủ thể; xây dựng NTM là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt"; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân về các yêu cầu, nội dung xây dựng NTM. Coi xây dựng NTM vừa là mục tiêu, yêu cầu phát triển bền vững; vừa là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước, chung sức xây dựng NTM" gắn với các phong trào, cuộc vận động khác, tạo sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân hăng hái tham gia, đóng góp cho công cuộc xây dựng NTM.



- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng khóa X về *Xây dựng NTM đến năm 2020*. Nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững, tập trung vào một số sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn nông thôn phải gắn chặt với Chương trình xây dựng NTM. Thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án để tập trung nguồn lực thực hiện đạt hiệu quả cao. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành để đẩy mạnh thực hiện hoàn thành các tiêu chí huyện NTM với lộ trình hợp lý, bảo đảm vững chắc, nhất là các tiêu chí văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM, sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan ở tất cả các xã làm cơ sở quản lý, thực hiện quy hoạch; tiến hành quy hoạch các cụm dân cư gắn với phát triển trung tâm cụm xã. Tập trung phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện như rau, hoa, cà phê, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm... Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, trang trại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp. Khai thác các tiềm năng về nguồn nhân lực, nguyên liệu, thị trường để đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ ở nông thôn, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Bố trí hợp lý các nguồn lực của nhà nước và xã hội hóa trong xây dựng NTM theo phương thức *"nhà nước và nhân dân cùng làm"*. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông thôn, huy động nội lực tại địa phương và sự đóng góp của nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để xây dựng các công trình hạ tầng ở nông thôn như công trình giao thông, cấp thoát nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế,...

- Chú trọng phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội ở khu vực nông thôn, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa gắn với



phát triển du lịch, nâng cao chất lượng phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, xây dựng nếp sống văn minh ở từng khu dân cư. Quan tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo, nhất là hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sản xuất và sinh hoạt, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và tăng cường các chính sách hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững, chống tái nghèo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về bảo vệ môi trường; hướng dẫn nhân dân chỉnh trang khuôn viên từng gia đình; tổ chức thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi; giữ gìn cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng. Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý, điều hành của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở; vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng NTM. Đẩy mạnh cải cách hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đấu tranh, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, quan liêu; giải quyết kịp thời ý kiến, kiến nghị chính đáng của nhân dân. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh nông thôn, dân tộc, tôn giáo, giữ vững trật tự an toàn xã hội ở khu vực nông thôn. Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng NTM các cấp. Định kỳ sơ kết, đánh giá, nhân rộng những mô hình hiệu quả, những cách làm sáng tạo; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng NTM. ■



HUYỆN BẢO LÂM VỚI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

NGUYỄN THỊ HUYỀN

UBND huyện Bảo Lâm

Trong những năm qua, cùng với cả nước triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), UBND huyện Bảo Lâm đã triển khai Đề án xây dựng NTM gắn với việc đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện. Bên cạnh những thuận lợi, huyện cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, thời tiết diễn biến thất thường; các yếu tố đầu vào như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động... tăng cao; trong khi đó, giá các sản phẩm đầu ra như cà phê, tiêu, thịt heo hơi, gà thịt, trứng thương phẩm... không ổn định, gây khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã nhất là khâu liên kết chậm phát triển; quan hệ sản xuất nông nghiệp chậm đổi mới, trong khi đó năng lực sản xuất ngày càng phát triển về năng suất và chất lượng sản phẩm, làm giảm sức sản xuất. Nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn lớn, dàn trải, nhưng khả năng ngân sách nhà nước đầu tư cho chương trình NTM còn hạn chế; nguồn lực huy động từ người dân có xu hướng giảm; huy động nguồn lực từ doanh nghiệp còn hạn chế nên việc triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành của Huyện ủy, UBND huyện; sự chủ động của các phòng, ban, đơn vị; UBND các xã, thị trấn, cùng sự chung tay của nhân dân, việc xây dựng NTM trên địa bàn huyện thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả khả quan, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên, bộ mặt nông thôn không ngừng chuyển biến tích cực. Nổi bật như:

- Huyện đã quan tâm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, thu nhập cho người dân; đây là điểm sáng trong xây dựng NTM. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian qua có bước tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (theo giá so sánh cố định 2010) tăng bình quân 4,74%/năm; giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích canh tác đạt 125,6 triệu đồng/ha (năm 2010 là 70 triệu đồng/ha).

- Công tác chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, đầu tư thâm canh được chú trọng thực hiện, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi. Huyện là đơn vị đi đầu trong ghép cải tạo, tái canh cà phê, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá cao và nhân rộng trong toàn tỉnh. Đến nay, huyện đã chuyển đổi 19.687 ha cà phê (chiếm 64,94% tổng diện tích), sản lượng đạt 87.172 tấn (tăng 32.865 tấn so với năm 2010);

chuyển đổi 6.625,1 ha chè (chiếm 65,93% diện tích), sản lượng 138.501 tấn (tăng 38.101 tấn so với năm 2010). Các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như bơ, sầu riêng được đầu tư phát triển, trong đó có bơ 034.

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được quan tâm và xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện nhiệm kỳ 2016-2020. Đến nay, toàn huyện có 6.000 ha đất sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao như: mô hình trồng hoa trong nhà lưới, nhà kính tại Lộc Đức, Lộc An; trồng rau thủy canh tại Lộc Ngãi; trồng bơ tại Lộc Phú, Lộc Đức; trồng sầu riêng tại Lộc Nam, Lộc Bảo, B'Lá; chăn nuôi bò Kobe ở Tân Lạc; nuôi heo nhà lạnh ở Lộc Ngãi; chăn nuôi gà sinh học... Ngoài ra, huyện cũng đang xây dựng vùng cà phê ứng dụng công nghệ cao với diện tích 300 ha tại xã Lộc Đức; vùng chè ứng dụng công nghệ cao với quy mô 300 ha tại xã Lộc Thắng, Lộc Quảng trình UBND tỉnh công nhận.

- Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển về số lượng và chất lượng. Đến nay, đã có 13 hợp tác xã, 11 tổ hợp tác, 167 trang trại hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Bước đầu triển khai xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ cà phê tại xã Lộc Đức, Lộc Nam; chuỗi liên kết sản xuất chim cút sinh sản tại xã Lộc Thành, Tân Lạc; chuỗi liên kết giá trị sản xuất bơ - cà phê tại xã Lộc Ngãi. Đồng thời, huyện đã tiến hành khảo sát và đề nghị tỉnh hỗ trợ phát triển Chương trình "mỗi xã một sản phẩm" đối với sản phẩm cà phê chế biến, nước ép trái cây, bơ 034 tại các xã trên địa bàn huyện.

- Các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống, sản xuất của người dân được tiếp tục đầu tư và ngày càng hoàn thiện như điện, đường, trường, trạm, nhà văn hóa - thể thao, trụ sở các xã, thủy lợi, bưu điện, chợ... đã tạo diện mạo mới cho vùng nông thôn, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, đời sống và sinh hoạt của người dân. Trong thời gian qua, huyện đã đầu tư, xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trên 362 km đường giao thông nông thôn các loại; xây mới 2 hồ và sửa chữa, nâng cấp 15 hồ thủy lợi, hỗ trợ đào 162 ao, hồ nhỏ; lấp mới, nâng cấp 35 trạm biến áp, 81 km đường dây trung thế, hạ thế; đầu tư nâng cấp, sửa chữa hầu hết các công trình trường học; xây mới, nâng cấp 10 nhà văn hóa xã, 47 nhà văn hóa thôn, 20 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; nâng



cấp 2 chợ và đầu tư xây mới 1 chợ nông thôn và xây mới, chỉnh trang 6.000 ngôi nhà, nâng tỷ lệ nhà đạt chuẩn lên 70%. Đến nay, có 13/13 xã đạt tiêu chí giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất trường học, cơ sở thương mại; 11/13 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa; 10/13 xã đạt tiêu chí về nhà ở dân cư.

Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, môi trường được quan tâm; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Với điều kiện cơ sở vật chất về y tế, giáo dục, văn hóa ngày càng hoàn thiện đã cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Tình hình an ninh nông thôn được giữ vững, ổn định; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Đến nay, toàn huyện có 100% xã đạt tiêu chí về giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, môi trường, an ninh và quốc phòng.

Huyện đã huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nhà nước, doanh nghiệp và sự đóng góp của nhân dân trong xây dựng NTM. Từ đó mang lại luồng sinh khí mới cho đời sống xã hội ở cơ sở, tạo động lực làm thay đổi mạnh mẽ bộ mặt nông thôn trên nhiều phương diện. Trong giai đoạn 2010-2018, huyện đã huy động trên 4.770 tỷ đồng để xây dựng NTM, trong đó trên 170 tỷ đồng do nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và phát triển sản xuất. Nhiều xã đã huy động, sử dụng tốt các nguồn lực để đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng như Lộc An, Lộc Thành, Lộc Quảng, Lộc Ngãi.

Đến nay, toàn huyện đã hoàn thành 5/9 tiêu chí huyện NTM; 9/13 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (bình quân 17,1 tiêu chí/xã), trong đó 10/13 xã đã đạt tiêu chí thu nhập (tăng 6 xã so với năm 2015), 10/13 xã đạt tiêu chí hộ nghèo (tăng 5 xã so với năm 2015); thu nhập bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,06%.

Trong thời gian tới, để phấn đấu đạt chuẩn huyện NTM, huyện Bảo Lâm đã xác định 3 nhiệm vụ trọng tâm, gồm: củng cố, phát triển hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững; cải thiện môi trường, cảnh quan nông thôn; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh. Cụ thể:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, nhân dân. Nâng cao nhận thức của người dân nông thôn về phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, nông dân giữ vai trò chủ thể nhằm tạo nền tảng vững chắc, góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo mục tiêu xây dựng huyện đạt chuẩn NTM vào năm 2019.

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Triển khai các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, trước hết tập trung vào các sản phẩm chủ lực của địa phương như chè, cà phê, cây ăn quả (bơ, sầu riêng); trên cơ sở đẩy



Một góc đô thị Bảo Lâm

mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân trên cùng đơn vị diện tích đất canh tác, qua đó tăng khả năng đóng góp cho xây dựng NTM.

- Khuyến khích, vận động các doanh nghiệp, cá nhân tham gia xây dựng thương hiệu các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện; phát triển các hình thức, mẫu mã đóng gói, nhận dạng sản phẩm nhằm hỗ trợ người tiêu dùng khi lựa chọn sử dụng các nông sản của địa phương. Thu hút các doanh nghiệp, trang trại đầu tư vào chăn nuôi, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi bền vững.

- Chỉ đạo rà soát lại các tiêu chí NTM theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về *Tiêu chí huyện NTM và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020*; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về *Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020*; Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về *Quy định chi tiết một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020*. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt.

- Tranh thủ các nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn nhất là giao thông, thủy lợi, điện thấp sáng, trường học, trạm y tế, các thiết chế văn hóa cơ sở. Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước thông qua lồng ghép các chương trình, dự án có mục tiêu trên địa bàn; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; đóng góp của nhân dân trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục quan tâm các hoạt động nhằm phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, bảo vệ môi trường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, toàn diện trên địa bàn huyện. ■



VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

NGUYỄN HỮU NAM

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) là việc ứng dụng công nghệ và kỹ thuật mới, tiên tiến vào các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng, hiệu quả, an toàn thực phẩm, có khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển nông nghiệp bền vững. Đây là xu hướng tất yếu để tạo bước đột phá, nâng cao sức cạnh tranh của nền sản xuất nông nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế; là chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Nội dung của phát triển NNUDCNC rất rộng, gồm nhiều lĩnh vực như: nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất; ứng dụng vật liệu mới, công nghệ thông tin và công nghệ quản lý sản xuất vào các lĩnh vực sản xuất nông sản hàng hóa; xây dựng các vùng, khu NNUDCNC; đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao (CNC); ươm tạo công nghệ và doanh nghiệp CNC; xúc tiến thương mại CNC; phát triển dịch vụ du lịch, tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí tại các khu, vùng sản xuất NNUDCNC.

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong quá trình sản xuất tại tỉnh Lâm Đồng trong thời gian qua đã giúp nền nông nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đa dạng hóa sản phẩm; hình thành các chuỗi giá trị gắn sản xuất với chế biến, thị trường tiêu thụ. Có thể nói, phát triển NNUDCNC là xu thế tất yếu, có ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để phát triển NNUDCNC cần nhiều yếu tố như: cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia sát với thực tế; vốn, đất, nguồn nhân lực...; trong đó khoa học và công nghệ (KH&CN) đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Trên cơ sở các Nghị quyết của Tỉnh ủy Lâm Đồng, quyết định của UBND tỉnh về đẩy mạnh chương trình NNCNC trên địa bàn tỉnh, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh triển khai xây dựng định hướng nghiên cứu khoa học hàng năm và 5 năm; đề xuất thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình KH&CN với nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho UBND tỉnh định hướng nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên các lĩnh vực: nông nghiệp - công nghệ sinh học; điều tra cơ bản và môi trường; khoa học xã hội và nhân văn; y dược; công nghiệp - công nghệ thông tin. Trên cơ sở định hướng của Ban Chỉ đạo, hàng năm, Sở KH&CN đã cụ thể hóa thành các vấn đề khoa học và thông báo đến các viên nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

Đến nay, Chương trình phát triển NNUDCNC của tỉnh Lâm Đồng đã triển khai qua 2 giai đoạn (2004-2010 và 2011-2015) với một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

Trong giai đoạn 2004-2010, đã triển khai thực hiện 45 đề tài, dự án KH&CN phục vụ ứng dụng và phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC), góp phần giải quyết những vấn đề phát sinh của thực tiễn sản xuất như: nghiên cứu ứng dụng các biện pháp sinh học tổng hợp trong phòng, trừ sâu, bệnh hại một số cây trồng tại Lâm Đồng; nghiên cứu tác nhân gây bệnh và các biện pháp phòng trừ bệnh thối củ trên cây Địa lan; nghiên cứu các tác nhân gây bệnh và biện pháp phòng trừ bệnh sùng rễ trên cây cải bắp và một số cây thuộc họ thập tự ở Đà Lạt; nghiên cứu biện pháp phòng trừ tổng hợp bệnh xoắn lá trên cây cà chua tại huyện Đơn Dương, Đức Trọng...

Đồng thời, đã tập trung nghiên cứu phát triển các giống rau, hoa, cây ăn trái, cây công nghiệp, dược liệu có lợi thế, đặc thù của địa phương với năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu như: nghiên cứu xây dựng mô hình trồng cà chua theo hướng NNCNC tại Đơn Dương, Đức Trọng với năng suất cà chua đạt trên 200 tấn/ha, hiệu quả kinh tế tăng 30-50% so với canh tác truyền thống; xây dựng và nhân rộng các mô hình trồng rau an toàn cho các hộ dân, hợp tác xã tại Đà Lạt, Đơn Dương và Đức Trọng; triển khai nghiên cứu công nghệ xử lý, bảo quản và đóng gói thích hợp cho một số loại hoa cắt cành phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu phục tráng giống dưa Cayenne tại Đơn Dương nhằm cung cấp giống dưa có chất lượng tốt cho vùng nguyên liệu dưa, phục vụ công nghiệp chế biến nước quả đóng hộp trên địa bàn huyện Đơn Dương, Đức Trọng; nghiên cứu, xây dựng quy trình thâm canh tổng hợp về cây điều ghép tại 3 huyện phía Nam nhằm đạt năng suất trung bình từ 0,8-2 tấn/ha; khảo nghiệm, chọn lọc các giống chè nhập nội cho năng suất cao, phẩm chất tốt để cải tạo các vườn chè thoái hóa;



xây dựng thí điểm vùng nguyên liệu chè an toàn trên địa bàn thành phố Bảo Lộc...

Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi phục vụ phát triển nông nghiệp vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế hàng hóa trong thời gian qua được quan tâm triển khai thực hiện đạt kết quả khả quan, được chính quyền địa phương và nông dân đánh giá cao.

Trong giai đoạn 2011-2015, hàng năm, UBND tỉnh Lâm Đồng bố trí khoảng 60% tổng kinh phí sự nghiệp khoa học phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng KH&CN vào sản xuất NNƯDCNC nhằm giải quyết khó khăn trong quá trình sản xuất. Trong giai đoạn này, đã thực hiện 30 đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật về sản xuất giống, quy trình canh tác, phòng chống dịch bệnh, quản lý sau thu hoạch cho các đối tượng cây trồng, vật nuôi ứng dụng CNC như:

Về trồng trọt: đã thực hiện các nghiên cứu về áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm sản xuất, cải tạo cà phê chè bền vững tại Lâm Đồng với các mô hình cà phê chè cho năng suất trên 3 tấn/ha, hoàn thiện quy trình canh tác cà phê chè bền vững; xây dựng hoàn thiện quy trình canh tác cây bơ, đánh giá thực trạng tình hình sản xuất bơ tại tỉnh Lâm Đồng và tuyển chọn một số giống bơ có năng suất, chất lượng cao để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, xây dựng và nhân rộng mô hình cho nông dân; chọn lọc các giống cà phê chè TN1, TN2, TN6, THA1, THA2 có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với các vùng trồng cà phê trong điểm của tỉnh như Lâm Hà, Đà Lạt, Đơn Dương, Lạc Dương.

Về rau: đã tiến hành nghiên cứu xác định thành phần sâu hại, thiên địch; xây dựng 4 quy trình phòng trừ tổng hợp trên cây cải bắp, cà chua, ớt ngọt, khoai tây sản xuất trong nhà kính, nhà lưới và ngoài đồng ruộng; xây dựng các mô hình trồng cà chua, khoai tây, cải bắp, ớt ngọt đạt tiêu chuẩn VietGAP.

Về chăn nuôi: đã tiến hành nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tót và bò nhà tại vùng rừng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng; lai tạo các giống bò thịt cao sản (Brahman, Droughmaster, Red Angus) đối với bò vàng địa phương và phù hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Lâm Đồng; ứng dụng kỹ thuật RT-PCR để phát hiện sớm một số bệnh nguy hiểm trên gia súc, đã xây dựng phương pháp chẩn đoán bệnh bằng kỹ thuật RT-PCR với quy trình RT-PCR phát hiện virus lở mồm long móng, quy trình RT-PCR phát hiện virus PRRS; xác định các yếu tố nguy cơ gây bệnh và đề xuất giải pháp phòng PRRS, lở mồm long móng.



Mô hình nhà kính ứng dụng CNC trong sản xuất nông nghiệp tại Đà Lạt

Về thủy sản: triển khai nghiên cứu quy trình sinh sản nhân tạo giống cá Hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) tại Lâm Đồng; nghiên cứu tìm hiểu tác nhân gây bệnh là ký sinh trùng, nấm và vi khuẩn trên cá hồi và cá tầm nuôi tại Lâm Đồng. Kết quả nghiên cứu đã xác định có ít nhất 6 loài ký sinh trùng ở cá Hồi, 3 loài ký sinh trùng ở cá Tầm nuôi ao, 5 loài ký sinh trùng ở cá Tầm nuôi lồng; không phát hiện ký sinh trùng có khả năng gây hại cho con người ở cá Hồi, cá Tầm nuôi tại Lâm Đồng. Bên cạnh đó, phát hiện 3 loài vi khuẩn gây bệnh xuất huyết, lở loét; bệnh lở mang; bệnh thối vây, mòn cụt đuôi và giống nấm gây bệnh dính mang và lở thân.

Về nấm ăn, nấm dược liệu: đã xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nấm dược liệu quý và nấm ăn cao cấp theo hướng quy mô công nghiệp tại xã Đạm Bri - thành phố Bảo Lộc và huyện Đơn Dương; đã chuyển giao công nghệ và xây dựng mô hình nuôi trồng nấm đùi gà, kim châm, ngọc châm, bào ngư, mộc nhĩ, đầu khỉ, linh chi với sản lượng 400 tấn nấm tươi/năm; xây dựng mô hình sấy và sơ chế các sản phẩm nấm với công suất 10 tấn/năm; đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn chuyển giao quy trình kỹ thuật cho nông dân trong vùng, góp phần nhân rộng kết quả đạt được từ dự án.

Ngày 19/4/2017, UBND tỉnh đã ký Quyết định số 756/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về *Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025*. Theo đó, tập trung thực hiện công tác quy hoạch; xây dựng các cơ chế, chính sách; thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng tâm để thúc đẩy phát triển nông nghiệp một cách toàn diện; đặc biệt là đẩy mạnh ứng dụng CNC vào sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh như rau, hoa, cà phê, cây đặc sản, dược liệu, bò sữa, bò thịt, cá nước lạnh theo hướng đồng bộ,



Mô hình nuôi bò theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật - Dự án nông thôn miền núi cấp nhà nước

hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản. Đầu tư, đưa vào hoạt động Khu NNUDCNC tại huyện Lạc Dương với diện tích hơn 221 ha; hình thành 8 khu sản xuất NNUDCNC tập trung với diện tích hơn 1,9 ngàn ha và 19 vùng NNUDCNC với quy mô hơn 3,9 ngàn ha, 31-32 ngàn con bò sữa.

Sở KH&CN tỉnh đã lồng ghép việc thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng, Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về *Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*; Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 756/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lâm Đồng thông qua việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 10/01/2017 về *Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2017-2020*. Ngoài ra, Sở cũng đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 phê duyệt *Danh mục các vấn đề then chốt trong kế hoạch nghiên cứu KH&CN để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp*; Quyết định số 2323/QĐ-UBND phê duyệt *Chương trình hỗ trợ về KH&CN cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020*.

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng đã đạt được một số kết quả sau:

Về nghiên cứu khoa học: đã xác định các tác nhân gây bệnh và xây dựng quy trình áp dụng các biện pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rữa, hiện tượng vàng lá cà phê theo hướng sinh học; triển khai 8 mô hình phòng trừ tổng hợp bệnh thối rữa, vàng lá cây cà phê với diện tích 4 ha tại Lâm Hà, Đức Trọng, Di Linh, Bảo Lâm, Bảo Lộc. Tiếp tục nghiên cứu tác nhân gây bệnh là virus trên cá Hồi

và cá Tầm; nghiên cứu nuôi thử nghiệm cá trắng châu Âu trước khi triển khai ra diện rộng tại Lâm Đồng. Phát triển nguồn thức ăn xanh và xây dựng công thức phối hợp khẩu phần thức ăn phục vụ phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản, bò sữa; xây dựng 3 mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi bò thịt chất lượng cao tại các huyện Cát Tiên, Đơn Dương, Đức Trọng. Nghiên cứu chọn tạo từ 5-7 bộ giống khoai tây có năng suất, chất lượng cao, kháng mốc sương tại Đà Lạt, Đơn Dương, Đức Trọng.

Năm 2018, Sở KH&CN tỉnh tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai nghiên cứu chọn tạo giống Artichoke chất lượng cao, sạch bệnh để phát triển vùng nguyên liệu tại Lâm Đồng; nghiên cứu biện pháp phòng trừ bệnh xoắn lá virus hại cà chua tại các vùng trồng trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng; tính toán cân bằng nước và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý nguồn nước phục vụ sản xuất theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu; đề xuất các giải pháp phát triển tín dụng ngân hàng góp phần phát triển NNUDCNC tại tỉnh Lâm Đồng.

Bên cạnh đó, từ năm 2016 đến nay, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, được Bộ KH&CN phê duyệt thực hiện 6 dự án nông thôn miền núi: ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong phát triển nguồn dược liệu: đông trùng hạ thảo, đảng sâm, đương quy; xây dựng và nhân rộng các mô hình để phát triển bền vững ngành trồng dâu nuôi tằm của tỉnh; xây dựng và vận hành chuỗi rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020; xây dựng các mô hình bò thịt; xây dựng các mô hình trồng cây Magic - S tại vùng đệm Khu dự trữ Sinh quyển Langbiang. Đã tham mưu đề xuất đặt hàng gửi Bộ KH&CN 3 dự án thuộc kế hoạch năm 2019 về phát triển các mô hình cá nước lạnh, chế biến chè Oolong chất lượng cao; hiện các dự án đã được hội đồng xác định nhiệm vụ cấp nhà nước thông qua và trình Bộ trưởng phê duyệt.

Về xây dựng thương hiệu: đến nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã có 19 sản phẩm nông nghiệp được công nhận nhãn hiệu chứng nhận, gồm: Trà B' Lao, Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Cà phê Di Linh, Dứa Cayene Đơn Dương, Cà phê Arabica Langbiang, Sầu riêng Đa Huoai, Diệp hạ châu Cát Tiên, Gạo nếp quýt Đa Tẻ, Mác mác Đơn Dương, Tơ lụa Bảo Lộc, Cà phê Cầu Đất - Đà Lạt, Lúa gạo Cát Tiên, Rượu cần Lang Biang, Chuối Laba, Nám Đơn Dương, Cá nước lạnh Đà Lạt, Bánh tráng Lạc Lâm, Mây, tre đan Madaguil. Đã xây dựng thành công thương hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" cho 4 sản phẩm chính gồm: rau, hoa, cà phê Arabica và du lịch canh nông.

Đến tháng 8/2018, sản xuất NNUDCNC của tỉnh đã đạt được các kết quả rất khả quan, cụ thể như sau:



Toàn tỉnh có 52.776 ha sản xuất theo hướng NNUDCNC (chiếm 19% diện tích đất canh tác), trong đó 19.332 ha rau, 159 ha cây đặc sản, 3.651 ha hoa, 6.335 ha chè, 20.320 ha cà phê, 2.830 ha lúa, 150 ha cây ăn quả; 80 doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 9 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp NNCNC; 20 sản phẩm nông nghiệp được công nhận nhãn hiệu chứng nhận.

Tổng diện tích sản xuất các sản phẩm nông nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C... của tỉnh đạt 59.573 ha, trong đó 1.780 ha rau, 497 ha chè, 180 ha cây ăn quả, 200 ha lúa, 35 ha cây dược liệu, 56.880 ha cà phê, 74.640 con heo được công nhận VietGAP nông hộ.

Về liên kết sản xuất NNUDCNC: toàn tỉnh có 2 liên hiệp hợp tác xã; 173 hợp tác xã nông nghiệp (99 hợp tác xã làm dịch vụ nông nghiệp, 62 hợp tác xã trồng trọt, 11 hợp tác xã chăn nuôi, 1 hợp tác xã nuôi trồng thủy sản); 262 tổ hợp tác; 949 trang trại (534 trang trại chăn nuôi, 370 trang trại trồng trọt, 2 trang trại thủy sản, 42 trang trại tổng hợp).

Xây dựng 68 chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản được các tổ chức trong và ngoài nước chứng nhận về chất lượng sản phẩm, gồm 35 chuỗi rau, củ, quả với 1.144 hộ liên kết, diện tích 1.631,24 ha; 3 chuỗi hoa với 818 hộ liên kết, diện tích 236 ha; 19 chuỗi chè với 263 hộ liên kết, diện tích 1.562 ha; 2 chuỗi dược liệu với 37 hộ liên kết, diện tích 35 ha; 3 chuỗi cây ăn quả với 40 hộ liên kết, diện tích 107 ha; 1 chuỗi cà phê với 39 hộ liên kết, diện tích 75 ha; 1 chuỗi lúa nếp với 50 hộ liên kết, diện tích 22 ha; 4 vùng chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP với 50 tổ hợp tác, quy mô 95.598 con heo. Sản phẩm của các chuỗi được tiêu thụ thông qua hợp đồng, trong đó, 80% cung cấp cho các siêu thị, trung tâm thương mại; 20% bán cho chợ đầu mối.

Về sử dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới, màng phủ nông nghiệp, tưới tự động, thủy canh: hiện nay, toàn tỉnh có 4.400 ha diện tích canh tác trong nhà kính; 1.202 ha nhà lưới; 8.265 ha sử dụng màng phủ nông nghiệp; 25.688 ha sử dụng công nghệ tưới tự động; 20 ha canh tác thủy canh.

Có đến 90% giống rau, hoa trên địa bàn tỉnh được nhập khẩu từ 20 quốc gia trên thế giới. Lượng giống nhập khẩu gần 3,6 tấn hạt giống rau và 95,4 triệu cây, hạt, củ giống hoa các loại.

Về công nghệ nhân giống in-vitro: hiện toàn tỉnh có 51 cơ sở nuôi cấy mô thực vật với 394 box cấy. Hàng năm, sản xuất trên 45 triệu cây giống rau, hoa cấy mô các loại như khoai tây, dâu tây, cúc, đồng tiền, cẩm chướng... cung cấp cho trên 200 vườn ươm sản xuất trên 2 tỷ cây giống thương phẩm.

Với những kết quả đạt được sau 14 năm triển khai Chương trình NNUDCNC, có thể thấy việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất đóng vai trò quan trọng. Nhờ đó, đã làm thay đổi thói quen, hình thức, tập



Hội nghị giới thiệu mô hình nhà kính công nghệ cao tại Trường Đại học Đà Lạt

quán canh tác của nông dân; việc canh tác nông nghiệp dần hướng đến giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, từng bước thay thế phân hóa học bằng phân vi sinh; quy trình sản xuất hướng đến các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để các sản phẩm đảm bảo an toàn, chất lượng khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

Định hướng nghiên cứu, ứng dụng KH&CN phục vụ nông nghiệp đến năm 2020

- Tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của tỉnh:

+ Xây dựng các nhiệm vụ KH&CN nghiên cứu ứng dụng đồng bộ theo chuỗi cung ứng (giá trị) cho các khâu sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp lợi thế của tỉnh như rau, hoa, chè, cà phê, dược liệu, bò sữa, bò thịt, cá nước lạnh.

+ Nghiên cứu phát triển các sản phẩm du lịch, sản phẩm phục vụ du lịch gắn với đặc thù sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ phục vụ NNCNC, bảo vệ môi trường:

+ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sạch trong công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học: công nghệ tế bào, gen, vi sinh,... trong sản xuất nông nghiệp an toàn; công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt *Danh mục các vấn đề then chốt trong kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ để nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.* ■



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

ĐÀO VĂN TOÀN

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng

Lâm Đồng là tỉnh miền núi thuộc khu vực Nam Tây Nguyên; có nhiều tiềm năng cho phát triển nông nghiệp với 278.145 ha đất canh tác nông nghiệp, 373.739 ha diện tích gieo trồng.

Để phát triển nông nghiệp bền vững, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/5/2011 về *Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2011-2015*. Qua 5 năm thực hiện, nông nghiệp Lâm Đồng đã có những bước phát triển mang tính đột phá về ứng dụng công nghệ cao (CNC), tăng năng suất, chất lượng nông sản cũng như giá trị sản xuất của toàn ngành, đưa Lâm Đồng trở thành tỉnh đi đầu cả nước về ứng dụng CNC trong sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp còn đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn như sản xuất còn phân tán, nhỏ lẻ; khả năng cạnh tranh của hàng nông sản chưa cao; doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; quan hệ sản xuất chuyển đổi chậm, chưa tương xứng với sự phát triển của lực lượng sản xuất; ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp chưa đồng bộ, đồng đều giữa các vùng; liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xây dựng, quảng bá thương hiệu nông sản gặp nhiều khó khăn; sự biến đổi khí hậu, nhiều dịch bệnh mới xuất hiện, tiềm ẩn nguy cơ, ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp.

Do đó, ngày 11/11/2017, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã tiếp tục ban hành Nghị quyết số 05/NQ-TU về *Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025* nhằm đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tiếp tục phát triển nông nghiệp CNC, tăng năng suất lao động, cây trồng, vật nuôi; tăng thu nhập trên cùng đơn vị diện tích; mở rộng liên kết sản xuất, hình thành và phát triển chuỗi giá trị; tổ chức mạng lưới thu mua, tiêu thụ nông sản hợp lý, giảm khâu trung gian; tăng thu nhập cho nông dân, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đến nay, diện tích ứng dụng CNC toàn tỉnh đạt 52.776 ha, tăng 22,5% so với năm 2015. Sản xuất bò sữa đạt 20.000 con, hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ ổn định 97% sản lượng sữa tươi. Giá trị sản xuất nông nghiệp CNC đạt 350 triệu đồng/ha,

chiếm 40% giá trị sản xuất nông nghiệp. Góp phần tăng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2018 ước đạt 161 triệu đồng/ha, cao hơn 11% so với năm 2015; nâng thu nhập của người lao động nông nghiệp trong tỉnh lên 64,5 triệu đồng/lao động/năm.

Các công nghệ hiện đại, tiến bộ kỹ thuật mới như nông nghiệp thông minh, quản lý dinh dưỡng trên cơ sở phân tích đất đai và kết hợp với tưới tiết kiệm trên cà phê, rau, hoa... được ứng dụng vào sản xuất, giúp tăng quy mô, giá trị và xây dựng thành công thương hiệu nông sản của tỉnh.

Thách thức và khó khăn

- Việc đổi mới quan hệ sản xuất còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng; hiện chỉ có 14 hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Hầu hết liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế về số lượng; quy mô nhỏ, không tập trung thành vùng sản xuất lớn nên sản lượng không đáp ứng đủ cho các hợp đồng thương mại theo hướng lâu dài, bền vững. Khối doanh nghiệp nông cốt trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn ít, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư công nghệ chế biến nông sản; do đó tỷ lệ sản phẩm qua sơ chế, đóng gói, chế biến sau thu hoạch còn thấp, giá trị chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường xuất khẩu.

- Thị trường chưa phát triển mạnh, chưa xây dựng các thương hiệu lớn để quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm; nhiều mặt hàng nông sản bị cạnh tranh bởi các tỉnh, thành lân cận và các nước trong khu vực.

- Một số địa phương chưa nhận thức và chỉ đạo sâu sát về phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC giai đoạn 2016-2020; việc phê duyệt kế hoạch hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC còn chậm, chưa đẩy mạnh phát triển sản xuất để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng CNC (hiện chỉ có 1 vùng sản xuất CNC được UBND tỉnh công nhận).

- Nguồn lực phát triển nông nghiệp CNC còn hạn chế: nguồn kinh phí chưa đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng cho khu và vùng sản xuất nông nghiệp CNC. Các doanh nghiệp, hợp tác xã chưa tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi đầu tư phát triển nông nghiệp CNC theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về



Cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 03/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Nguồn nhân lực đáp ứng các yêu cầu về nông nghiệp CNC còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng nên gặp khó khăn trong việc tiếp cận, vận hành các công nghệ mới như IoT, điều khiển tự động, quản lý trang trại.

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như hiện tượng mưa đá, sương muối, lũ lụt; dịch bệnh virus trên một số cây trồng như cà chua, hoa cúc, xà lách gây thiệt hại không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC.

- Tỷ trọng giá trị của sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh chiếm 46% đặt ra thách thức lớn để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong giai đoạn 2018-2020.

Định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC đến năm 2020

Để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC theo hướng toàn diện, bền vững và hiện đại, phù hợp với lợi thế từng vùng, từng loại sản phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản Lâm Đồng trên thị trường trong và ngoài nước thông qua phát triển các chuỗi liên kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ, xây dựng và quảng bá thương hiệu, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Định hướng, bố trí, từng bước sắp xếp lại sản xuất trong nhà kính, nhà lưới. Chuẩn hóa các quy trình sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC, nông nghiệp thông minh để đưa vào hướng dẫn sản xuất.

- Phấn đấu đến năm 2020, diện tích sản xuất ứng dụng CNC đạt 60.000 ha; giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC bình quân trên một đơn vị diện tích đạt 400-450 triệu đồng/ha; tỷ trọng giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC chiếm 35-40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Đàn vật nuôi đạt tiêu chí CNC với 14.000 con bò sữa; 35.000 con bò thịt cao sản; 120.000 con heo; 1.000 tấn cá nước lạnh.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào Khu Công nghệ sinh học và nông nghiệp ứng dụng CNC Đà Lạt; phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ lấp đầy Khu đạt trên 50%.

- Hình thành, công nhận 10-15 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC; phát triển 50 mô hình du lịch canh nông gắn với các vùng sản xuất CNC, làng nghề truyền thống.

- Đẩy mạnh phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống các chợ đầu mối, trung tâm sau thu hoạch, trung tâm giao dịch hoa; phát triển ít nhất 150 chuỗi liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng tỷ lệ sản phẩm rau, quả sơ chế, chế biến đạt 25-30%; sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi liên kết đạt ít nhất 50% sản lượng nông sản của tỉnh; 100% sản phẩm nông nghiệp ứng dụng CNC đã qua sơ chế, chế biến được dán nhãn truy xuất nguồn gốc.

Tầm nhìn đến năm 2030

- Phát triển ngành nông nghiệp Lâm Đồng theo hướng tiếp cận đa ngành, trở thành trung tâm nghiên cứu, sản xuất nông nghiệp CNC của cả nước; là vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa có giá trị cao trên thị trường Đông Nam Á.

- Duy trì diện tích đất canh tác nông nghiệp khoảng 300.000 ha; tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt 3-3,5%/năm; giá trị sản xuất đạt trên 220 triệu đồng/ha/năm, trong đó sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC đạt 75.000 ha (chiếm 25% diện tích canh tác) với giá trị 600-700 triệu đồng/năm. Tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp (trồng trọt 66-70%, chăn nuôi 25-28%, dịch vụ 5-7%); có ít nhất 70% diện tích sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, bền vững; giảm diện tích có giá trị sản xuất dưới 50 triệu đồng/ha/năm xuống dưới 5%.

- Thực hiện phát triển nông nghiệp sạch CNC; gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp và du lịch canh nông. Đến năm 2030, phát triển ít nhất 300 chuỗi liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm tăng tỷ lệ sản phẩm rau, quả sơ chế, chế biến đạt từ 70-80%, sản lượng nông sản tiêu thụ qua chuỗi liên kết đạt ít nhất 80% sản lượng nông sản của tỉnh.

- Phát triển chuyển giao các công nghệ mới, công nghệ thông minh vào quản lý sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất lao động như phần mềm E-farm, hệ thống tưới thông minh Zero.agri, thiết bị giám sát Hortimax, Mimosatek... Phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ đối với các loại rau, quả, chè gắn với các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện chuyển đổi các mô hình canh tác bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, thực hiện tốt các giải pháp cải tạo môi trường; phát triển hợp lý diện tích nhà kính, nhà lưới, xử lý rác thải nông nghiệp đúng quy trình để tiến đến hình thành không gian nông nghiệp sạch trong đô thị xanh. ■



LẠC DƯƠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

THANH DƯƠNG HỒNG

Là địa bàn phụ cận với thành phố Đà Lạt, cùng lợi thế về đất đai, khí hậu, huyện Lạc Dương có điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC). Nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về *Phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025*, ngày 14/4/2017, Đảng bộ huyện Lạc Dương đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về *Phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn huyện*.

UBND huyện Lạc Dương đã cụ thể hóa Nghị quyết của Huyện ủy bằng đề án, kế hoạch chỉ đạo các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, nhân dân trong huyện triển khai thực hiện đồng bộ, có lộ trình và bước đầu mang lại hiệu quả khả quan. Cụ thể, đã tạo sự chuyển biến đáng kể về phương thức sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa; chuyển đổi diện tích canh tác cà phê kém hiệu quả sang sản xuất nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích đất canh tác, nhất là áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp để tạo sự đột phá, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Huyện Lạc Dương có 131.000 ha diện tích đất tự nhiên, trong đó 6.823 ha đất sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, các cấp, ngành của huyện đã quan tâm triển khai nhiều chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa; vận động nông dân chuyển đổi dần diện tích cây trồng cũ, hiệu quả thấp sang đầu tư sản xuất một số loại cây trồng được thị trường ưa chuộng như: rau, hoa, dâu tây, atiso... Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17%/năm; giá trị thu hoạch bình quân đạt 180 triệu đồng/ha/năm. Nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn đầu tư sản xuất NNCNC với hệ thống nhà kính, nhà lưới, công nghệ tưới tự động, mô hình sản xuất hiện đại (thủy canh, hữu cơ...), bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao.

NNCNC đột phá mới

Với mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2017-2020, UBND huyện Lạc Dương đã đặt ra mục tiêu đến năm 2020, tăng diện tích sản xuất NNCNC trên 40%; nâng giá trị bình quân trên một đơn vị diện tích đất canh tác đạt 220-250 triệu đồng/ha/năm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao như: rau, hoa, dâu tây, các loại cây dược liệu, cà phê; tăng diện tích nuôi cá nước lạnh trên 30 ha, sản lượng trên 1.000 tấn/năm; tập trung xây dựng Khu nông nghiệp CNC trên địa bàn huyện với diện tích 221,32 ha; thành lập 40 tổ hợp tác, 10 hợp tác xã, 20 trang trại sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2020, Lạc Dương trở thành huyện sản xuất NNCNC; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Theo tổng hợp của Phòng Nông nghiệp huyện, hiện Lạc Dương có 1.400 ha rau, hoa ứng dụng CNC; 400 ha rau, hoa trồng trong nhà kính, nhà lưới; 1.000 ha rau, hoa được đầu tư hệ thống tưới tự động và bán tự động. NNCNC ở Lạc Dương đã mang lại hiệu quả, năng suất, giá trị sản phẩm tăng từ 25-30%, lợi nhuận tăng 30% so với những năm trước; đặc biệt, diện tích sản xuất NNCNC mang lại doanh thu gấp 3 lần giá trị sản xuất bình quân của toàn huyện.

Đến nay, trên địa bàn huyện đã triển khai thành công một số mô hình ứng dụng NNCNC như: *mô hình trồng dâu tây trong nhà kính* tại thị trấn Lạc Dương với giống dâu tây New Zealand trên diện tích 0,1 ha, giá bán 180.000 đồng/kg; *mô hình trồng hoa cúc trong nhà kính* tại xã Đa Nhím, Đa Chais với diện tích 500 m²/hộ/xã, lợi nhuận khoảng 100 triệu đồng/năm; *mô hình trồng cây Atiso trái vụ* tại thị trấn Lạc Dương, diện tích 0,1 ha/hộ, bước đầu mang lại sản lượng khá cao; *mô hình hỗ trợ nhà kính trồng rau, hoa CNC* triển khai trên diện tích 0,45 ha tại 3 hộ nông dân với các loại rau bó xôi, xà lách xoăn, tần ô; hoa cúc, cát tường, cẩm chướng, lyly... mang lại thu nhập bình quân 90-100 triệu đồng/năm/0,1 ha rau; từ 100-200 triệu đồng/năm đối với hoa các loại.

Từ hiệu quả các mô hình, nhiều hộ gia đình, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã mạnh dạn đầu tư vốn, chuyển đổi diện tích cây trồng, vật nuôi, áp dụng công nghệ mới mang lại thu nhập cao, ổn định như hộ ông Pang Ting Sin (tổ dân phố Bon Dưng I, thị trấn Lạc Dương) với 1,5 ha trồng hoa hồng, thu nhập trên 800 triệu đồng/năm; hộ ông Pang Ting Phúc (tổ dân phố LangBiang) sản xuất 0,5 ha hoa cẩm chướng CNC, thu nhập 400 triệu đồng/năm; hộ ông Cil Phi Criêu Ha Tây (thôn Đa Tro, xã Đa Nhím) đầu tư nhà kính, hệ thống tưới tự động trồng Atiso, súp lơ xanh cho thu nhập 200 triệu đồng/năm...

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đã đến Lạc Dương đầu tư, từ đó hình thành các trang trại sản xuất rau, hoa sạch góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương; tạo động lực để NNCNC ở Lạc Dương ngày càng phát triển.

Có thể nói, NNCNC đã làm thay đổi bộ mặt của huyện Lạc Dương, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong huyện. ■



DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO CHO CÁC HUYỆN

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm	Cơ quan chủ trì
1	Xây dựng mô hình tiến bộ kỹ thuật chăm sóc, cải tạo vườn cây ăn quả tại 3 huyện phía Nam	ThS. Nguyễn Đức Thiết	Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc
2	Nghiên cứu biện pháp quản lý tổng hợp phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá gây hại lúa tại Lâm Đồng	KS. Lại Thế Hưng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật Lâm Đồng
3	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình tại xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	ThS. Võ Khiêm	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
4	Nghiên cứu xây dựng quy trình canh tác cây bơ theo tiêu chuẩn an toàn VietGAP	KS. Lê Văn Hùng	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng
5	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và hiệu quả của việc áp dụng kỹ thuật ghép cải tạo đối với cây cà phê vối tại Lâm Đồng	ThS. Nguyễn Đức Dũng	Trung tâm Thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng
6	Ứng dụng Kỹ thuật RT-PCR để phát hiện sớm một số bệnh nguy hiểm trên gia súc nhằm nâng cao chất lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	ThS. Lê Thị Thu Hà	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam
7	Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao kinh tế hộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Đưng K'Nớh, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	CN. Nguyễn Văn Quang	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
8	Sản xuất thử nghiệm cây giống chuối Laba bằng kỹ thuật nuôi cấy <i>in-vitro</i>	CN. Phan Thị Minh Thạch	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
9	Nhân rộng mô hình trồng cà phê Catimor F6 và cà phê ghép tại xã N'Thol Hạ, huyện Đức Trọng	KS. Nguyễn Văn Kiên	Trung tâm Nông nghiệp huyện Đức Trọng
10	Nhân rộng các loài lan rừng đặc hữu, quý hiếm và có triển vọng tại Lâm Đồng	ThS. Phan Công Du	Ban quản lý Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt
11	Xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu chè chất lượng cao tại 2 xã Xuân Trường và Trạm Hành, thành phố Đà Lạt	ThS. Võ Duẩn	Ban quản lý Khu Công nghệ sinh học và Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đà Lạt
12	Nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn theo VietGAP tại Đơn Dương	KS. Hồ Lê Bích Vân	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng
13	Nhân rộng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm tại xã Đạ R'Sal, huyện Đam Rông	KS. Nguyễn Liên Sơn	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng
14	Nhân rộng mô hình trồng cây Phúc bồn tử (<i>Rubus idaeus</i>)	CN. Trương Ngọc Thảo Vy	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
15	Xuất bản Atlas về cây tài nguyên cho chất nhuộm tự nhiên ở Lâm Đồng	ThS. Hoàng Thị Bình	Trường Đại học Đà Lạt
16	Điều tra, đánh giá bệnh tăng huyết áp ở người dân từ 25 tuổi trở lên trên địa bàn xã Đạ Sar, Đạ Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng và đề xuất các giải pháp điều trị ngoại trú	BS CKI. Vũ Thị Loan	Trung tâm Y tế huyện Lạc Dương
17	Đánh giá, áp dụng hiệu quả thấp dinh dưỡng đến tình hình suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi tại 2 xã Đạ Chais và Đạ Nhim, huyện Lạc Dương năm 2012	BS CKII. Nguyễn Văn Hòa	Trung tâm Y tế huyện Lạc Dương
18	Xây dựng mô hình nuôi trồng nấm Chân dài (<i>Clitocybe maxima</i>) tại Lâm Đồng	KS. Trần Thị Mỹ Linh	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng



STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm	Cơ quan chủ trì
19	Nhân rộng mô hình xử lý nước trên địa bàn xã Đại Lào, Đam B'ri, thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	KS. Lê Minh Phong	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng
20	Nghiên cứu, điều tra đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước khoáng nóng Đạ Long và Đạ Tông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng và đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý	KS. Hoàng Vương	Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Cao Bình Nguyên
21	Xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao tại huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	KS. Nguyễn Trúc Bằng Sơn	Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lâm Đồng
22	Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng và sản xuất meo giống một số loại nấm ăn, nấm làm thuốc tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	CN. Vũ Anh Tuấn	Công ty TNHH Ngọc Yến Minh
23	Ứng dụng công nghệ GIS để quản lý hệ thống cầu đường trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	KS. Lê Chinh	Sở Giao thông Vận tải tỉnh Lâm Đồng
24	Tuyên truyền và quảng bá nhãn hiệu cà phê Di Linh	Đào Thủy Chung	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Di Linh
25	Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2013	CN. Đặng Hữu Huy	Phòng Quản lý công nghệ và Chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
26	Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2014	CN. Đặng Hữu Huy	Phòng Quản lý công nghệ và Chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
27	Nghiên cứu giám định di truyền và đánh giá khả năng phát triển của bò lai F1 giữa bò tốt và bò nhà tại vùng rừng giáp ranh tỉnh Ninh Thuận và Lâm Đồng	KS. Lê Tiến Thắng ThS. Nguyễn Công Vân	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng Vườn Quốc gia Phước Bình tỉnh Ninh Thuận
28	Nghiên cứu nguồn gốc, khả năng xâm nhiễm của Asen (As) trong nước ngầm ở một số vùng của tỉnh Lâm Đồng	TS. Nguyễn Đình Trung	Trường Đại học Đà Lạt
29	Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật để nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số xã Gia Bắc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	KS. Nguyễn Văn Quang	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
30	Lai tạo giống bò thịt cao sản thích hợp với điều kiện chăn nuôi tại tỉnh Lâm Đồng	TS. Trương La	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên
31	Nâng cao vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Lâm Đồng	TS. Nguyễn Thị Bích Thu	Học viện Dân tộc
32	Đổi mới công tác đánh giá công chức trong cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng	CN. Đàm Minh Tuấn	Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng
33	Xây dựng mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao nuôi trồng nấm Linh chi đỏ trên hỗn hợp giá thể gỗ Quế và nấm Hương tại huyện nông thôn mới Đơn Dương và Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	ThS. Nguyễn Như Chương	Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng
33	Đánh giá sự phù hợp của cây ca cao đối với vùng sinh thái ở Lâm Đồng	ThS. Đào Văn Toàn	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng
34	Nghiên cứu các giải pháp phòng trừ tổng hợp bệnh thối rễ, vàng lá cà phê ở Lâm Đồng	ThS. Lại Thế Hưng	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lâm Đồng
35	Chọn lọc, di thực, bình tuyển và thử nghiệm trồng một số giống bơ có năng suất cao và chất lượng tốt tại tỉnh Lâm Đồng	KS. Trần Minh Điện	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Kỹ thuật cây công nghiệp và cây ăn quả Lâm Đồng



SỬ DỤNG KHẨU PHẦN HỖN HỢP HOÀN CHỈNH - TMR (TOTAL MIXED RATION) ĐỂ NUÔI BÒ THỊT TẠI LÂM ĐỒNG

TS. TRƯƠNG LA, KS. NGÔ VĂN BÌNH

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

1. Mở đầu

Lâm Đồng hiện có 63.276 con bò thịt. Theo định hướng phát triển chăn nuôi bò của tỉnh, đến năm 2020, sẽ đạt 100.000 con bò thịt chất lượng cao. Do đó, vấn đề thức ăn, phương thức nuôi dưỡng đối với bò thịt cao sản là hết sức cần thiết. Hiện nay, phương thức nuôi bò bằng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR) đang được khuyến khích áp dụng. TMR là khẩu phần cân bằng dinh dưỡng, trong đó nhóm thức ăn tinh và thô được trộn lẫn với nhau theo khẩu phần định lượng; đảm bảo cùng một lúc bò được ăn các loại thức ăn khác nhau với lượng phù hợp nhu cầu, giúp ổn định hệ vi sinh vật dạ cỏ, giảm các nguy cơ gây xáo trộn tiêu hóa, từ đó giúp sử dụng hiệu quả lượng thức ăn tiêu thụ và nâng cao khả năng sản xuất của bò (Trương La, 2017). Vì vậy, để

nâng cao hiệu quả chăn nuôi bò thịt, việc nghiên cứu sử dụng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh - TMR để nuôi bò là cần thiết.

2. Nội dung và phương pháp thí nghiệm

- Địa điểm và thời gian thực hiện: thí nghiệm được tiến hành tại xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng từ tháng 6-12/2017.

- Bố trí thí nghiệm: chọn bò đực các giống lai cao sản Brahman, Drought Master từ 15-16 tháng tuổi. Sử dụng 18 con bò chia thành 6 lô, mỗi lô 3 con. Bò được cho ăn 3 khẩu phần khác nhau. Với mỗi loại khẩu phần, bố trí 1 lô thí nghiệm (TN) cho ăn khẩu phần phối trộn hoàn chỉnh TMR; 1 lô đối chứng (ĐC) cho ăn riêng lẻ các loại thức ăn (nuôi theo truyền thống).

Bảng 1. Sơ đồ bố trí thí nghiệm nuôi bò thịt giai đoạn sinh trưởng

TT	Chỉ tiêu	Khẩu phần 1		Khẩu phần 2		Khẩu phần 3	
		Lô TN1	Lô ĐC1	Lô TN2	Lô ĐC2	Lô TN3	Lô ĐC3
1	Số lượng bò (con)	3	3	3	3	3	3
2	Phương thức nuôi	Cho ăn TMR1	Cho ăn riêng lẻ	Cho ăn TMR2	Cho ăn riêng lẻ	Cho ăn TMR3	Cho ăn riêng lẻ

Các khẩu phần được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn ăn của bò thịt giai đoạn sinh trưởng, có mức năng lượng trao đổi (ME) là 2.300 Kcal/kg vật chất khô; 11,1% protein thô (theo Tiêu chuẩn

của L.C Kearnl - Đại học Utah, Hoa Kỳ, 2001) và tương đương nhau ở các khẩu phần nhưng khác nhau về các nguyên liệu thức ăn tinh: bột ngô, cám gạo và bột sắn.

Bảng 2. Công thức khẩu phần thức ăn cho bò thịt đang sinh trưởng

STT	Loại thức ăn (% vật chất khô)	Khẩu phần 1	Khẩu phần 2	Khẩu phần 3
1	Cỏ VA06	60	58	56
2	Phụ phẩm (rơm, thân cây ngô)	27	-	10
3	Cỏ ủ chua/phụ phẩm ủ chua	-	30	20
4	Bột ngô	8	-	-
5	Cám gạo	-	5	-
6	Bột sắn	-	-	9
7	Bột cá	3	-	3
8	Cám hỗn hợp	-	5	-
9	Urê	1	1	1
10	Premix khoáng	1	1	1
	Tổng	100	100	100
	Tỷ lệ protein thô (%/kg vật chất khô)	11,1	11,1	11,1
	Năng lượng trao đổi - ME (Kcal/kg vật chất khô)	2.320	2.322	2.318



Nuôi bò thịt bằng khẩu phần TMR

Khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh được trộn thủ công. Bò được cho ăn 2 lần/ngày vào buổi sáng và chiều.

*** Chỉ tiêu theo dõi:**

- Tăng khối lượng bò: xác định bằng cách dùng thước đo thể trọng bò (thước FAO) để đo lúc bắt đầu và kết thúc thí nghiệm; đo 3 lần và lấy kết quả trung bình.
- Ước tính hiệu quả kinh tế: tính chênh



Hướng dẫn phối trộn khẩu phần TMR

lệch thu - chi của bò được ăn các khẩu phần khác nhau; giữa cách cho ăn TMR và cho ăn truyền thống.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khối lượng và tăng khối lượng của bò thịt giai đoạn sinh trưởng khi sử dụng khẩu phần TMR

Sau 90 ngày nuôi, kết quả khối lượng và tăng khối lượng của bò như sau:

Bảng 3. Khối lượng và tăng khối lượng của bò thịt sinh trưởng

STT	Chỉ tiêu	Khẩu phần 1		Khẩu phần 2		Khẩu phần 3	
		Lô TN 1	Lô ĐC 1	Lô TN 2	Lô ĐC 2	Lô TN 3	Lô ĐC 3
1	Khối lượng đầu kỳ (kg)	186,0±4,6	184,7±6,1	186,0±5,0	185,3±5,1	188,7±7,6	184,3±6,8
2	Khối lượng cuối kỳ (kg)	237,3±7,0	227,3±3,8	236,3±7,4	227,3±6,0	230,0±7,2	218,7±6,5
3	Khối lượng tăng trong kỳ (kg)	51,3±2,9 aA	42,7±2,5 b	50,3±3,1 aA	42,0±2,0 b	41,3±3,1 aB	34,3±2,3 b
4	Tăng khối lượng tuyệt đối (g/con/ngày)	570±32 aA	474±28 b	559±34 aA	467±22 b	459±34 aB	381±26 b

* Ghi chú: Các chữ cái viết thường khác nhau biểu thị sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) đối với trung bình của từng cặp (lô TN và lô ĐC tương ứng). Các chữ cái viết hoa khác nhau biểu thị sự khác nhau có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) đối với trung bình của các lô TN 1, 2, 3.

Kết quả cho thấy, trong cùng khẩu phần, bò được nuôi bằng TMR cho tăng khối lượng và tăng khối lượng tuyệt đối cao hơn bò cho ăn truyền thống. Đối với khẩu phần 1, lô TN tăng khối lượng trong kỳ đạt 51,3 kg/con, tương đương tăng khối lượng tuyệt đối là 570 g/con/ngày; bò ở lô ĐC chỉ tăng khối lượng 42,7 kg/con, tăng khối lượng tuyệt đối là 474 g/con/ngày. Tương tự ở khẩu phần 2, bò ở lô TN tăng khối lượng là 50,3 kg/con (559 g/con/ngày); bò ở lô ĐC tăng khối lượng là 42,0 kg/con (467 g/con/ngày); ở khẩu phần 3, lô TN tăng khối lượng là 41,3 kg/con (459 g/con/ngày), bò ở lô ĐC tăng khối lượng là 34,3 kg/con (381 g/con/ngày).

Khi cho bò ăn các khẩu phần TMR khác nhau, tăng khối lượng của bò ở lô TMR1 (bột ngô) và lô TMR2 (cám gạo) tương đương nhau (570 g/con/ngày, 559 g/con/ngày); cả 2 lô này

đều cao hơn lô cho ăn khẩu phần TMR3 (bột sắn), chỉ đạt 452 g/con/ngày.

Như vậy, khi sử dụng khẩu phần TMR để nuôi bò đã làm tăng khối lượng của bò cao hơn so với bò cho ăn theo truyền thống. Bò được nuôi bằng khẩu phần TMR đã tận dụng thức ăn triệt để, ăn nhiều hơn. Ngoài ra, khẩu phần TMR đã cân đối các chất dinh dưỡng, từ đó giúp bò tiêu hóa tốt hơn.

3.2. Ước tính hiệu quả kinh tế

Nuôi bò thịt tại nông hộ nên thức ăn cỏ xanh và các thức ăn chế biến (như cỏ ủ, phụ phẩm nông nghiệp ủ) do hộ gia đình tự sản xuất, công lao động chăm sóc nuôi dưỡng bò không tính vào chi phí. Với giá bán 62.000 đồng/kg, hiệu quả kinh tế của bò nuôi bằng các khẩu phần khác nhau được sơ bộ tính toán như sau:



Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của bò nuôi khẩu phần TMR

STT	Chỉ tiêu	Khẩu phần 1		Khẩu phần 2		Khẩu phần 3	
		Lô TN 1	Lô ĐC 1	Lô TN 2	Lô ĐC 2	Lô TN 3	Lô ĐC 3
1	Khối lượng tăng (kg/con)	51,3	42,7	50,3	42,0	41,3	34,3
2	Lượng thức ăn tiêu thụ (kg/con)	459	468	472,5	468	459	463,5
3	Chi phí thức ăn (1.000 đồng)	661	674	503	498	610	616
4	Thu tăng thêm (1.000 đồng/con)	3.182,7	2.645,3	3.120,7	2.604,0	2.562,7	2.128,7
5	Chênh lệch thu - chi	2.521,7	1.971,4	2.617,5	2.105,6	1.952,2	1.512,2
6	So sánh TN/ĐC	550,3	-	511,9	-	440,0	-
7	So sánh khẩu phần TMR	569,5	-	665,3	-	-	-

Chênh lệch thu - chi giữa bò cho ăn khẩu phần TMR đều cao hơn bò cho ăn theo cách truyền thống, cụ thể:

Ở khẩu phần 1, chênh lệch giữa 2 lô là 550.300 đồng/con; khẩu phần 2, chênh lệch là 511.900 đồng/con; khẩu phần 3, chênh lệch là 440.000 đồng/con.

Trong 3 khẩu phần TMR, khẩu phần TMR1 (bột ngô) và khẩu phần TMR2 (cám gạo) có chênh lệch cao hơn bò sử dụng khẩu phần TMR3 (bột sắn), cụ thể: chênh lệch TMR1 và TMR3 là 569.500 đồng/con; chênh lệch khẩu phần TMR2 và TMR3 là 665.300 đồng/con.

Như vậy, sử dụng khẩu phần TMR để nuôi bò thịt mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn nuôi bò bằng cách cho ăn truyền thống.

4. Kết luận và đề nghị

4.1. Kết luận

- Sử dụng khẩu phần TMR nuôi bò thịt, bò tăng khối lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn bò khi không sử dụng khẩu phần TMR.

- Nuôi bò bằng khẩu phần TMR có sử dụng bột ngô hoặc cám gạo trong thành phần thức ăn, bò tăng khối lượng 570 g/con/ngày và 559 g/con/

ngày, cao hơn khi được nuôi bằng khẩu phần TMR sử dụng bột sắn (459 g/con/ngày); chênh lệch thu - chi cao hơn từ 569.500-665.300 đồng.

4.2. Đề nghị

Sử dụng các khẩu phần thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh - TMR để nuôi bò thịt để tăng hiệu quả kinh tế. Trong đó, cần sử dụng khẩu phần có bột ngô hoặc cám gạo trong thành phần thức ăn. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương La, 2017. Một số kết quả nghiên cứu sử dụng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh (TMR - Total Mixed Ration) trong nuôi dưỡng bò tại Việt Nam. Thông tin Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp - WASI, 2017.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, 2016. Tình hình và định hướng phát triển chăn nuôi bò tỉnh Lâm Đồng.
3. Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi bò thịt cao sản tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.
4. Viện Chăn nuôi Quốc gia, 2001. Thành phần và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc - gia cầm Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong thời gian qua, Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng đã nhận được tin, bài của các tác giả: Phạm Văn Kiên, Huỳnh Minh Hải, Phạm Thị Nhâm, Lê Thị Bé, Đặng Văn Khá, Nguyễn Hữu Nam... Ban biên tập chân thành cảm ơn sự cộng tác nhiệt tình của các cộng tác viên.

Đối với tin, bài mới do các tác giả đã gửi đến, chúng tôi sẽ xem xét và sắp xếp sử dụng vào thời gian thích hợp nhất.

Bản tin Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng số 6/2018 tập trung vào chủ đề: **Đà Lạt 125 năm hình thành và phát triển**

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả.

Địa chỉ liên hệ: **Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng**

35 Trần Hưng Đạo, Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3833163

Email: trungtamthongtinld@gmail.com



KHU BIỆT THỰ LÊ LAI

Nơi hội tụ kiến trúc Pháp tại Đà Lạt

ĐOÀN BÍCH NGỌ

Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng

Nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 3 km về phía Tây Bắc, khu biệt thự Lê Lai là một trong những nơi tập trung và còn lưu giữ nhiều di sản kiến trúc Pháp độc đáo, đặc biệt có giá trị tại Đà Lạt.

Khu biệt thự Lê Lai (trước đây là Cư xá Jean Oneil) do ông Jean Oneil - một đại tá quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương dưới thời Toàn quyền Paul Doumer lập nên. Năm 1920, sau khi về hưu, ông đã chọn vùng đất Cam Ly (nằm ở phía Tây Bắc thành phố Đà Lạt) để lập đồn điền, đắp đập nước ở khu vực sân bay Cam Ly để làm thủy điện và cung cấp nước cho khu cư xá. Năm 1929, ông Jean Oneil xây biệt thự đầu tiên để ở và mời kiến trúc sư quy hoạch bố trí thành khu cư xá cho bà con, bạn bè thân hữu là các công chức, viên chức người Pháp đang làm việc ở Sài Gòn và Đông Dương lúc bấy giờ. Đến năm 1938, 14 biệt thự còn lại trong khu cư xá hoàn tất; như vậy, toàn khu cư xá với 15 biệt thự đã được xây dựng hoàn chỉnh. Các biệt thự đều được bố trí, chọn đặt ở vị trí đẹp, đặc địa, có khuôn viên rộng từ 1.000-2.000 m²; được thiết kế từ 1-2 tầng, không kể tầng hầm để chứa thức ăn và có lối thông ra vườn. Quanh nhà còn bố trí sân dạo, vườn hoa, những khoảnh đất trống để trồng cây xanh. Khoảng cách giữa các nhà đủ xa để đảm bảo không gian yên tĩnh, sự riêng tư cho mỗi gia đình.

Phong cách kiến trúc của các biệt thự này rất phong phú, đa dạng; chịu ảnh hưởng từ kiến trúc của nhiều vùng, miền khác nhau của nước Pháp, nhưng chủ yếu là kiến trúc của vùng núi Đông Nam nước Pháp - quê hương của ông Jean Oneil.

Theo kết quả đánh giá của các kiến trúc sư thuộc Hội Kiến trúc sư Việt Nam, tất cả 15 biệt thự của Khu Lê Lai đều là các di sản *"kiến trúc Pháp đặc biệt giá trị tại Đà Lạt, thuộc phong cách kiến trúc kết hợp"*. Điều đặc biệt là các biệt thự của Khu Lê Lai khi xây dựng tại Đà Lạt được biến đổi phù hợp với khí hậu, cảnh quan nơi đây cũng như sở thích, sự tinh tế của chủ nhân. Kiến trúc Pháp đặc trưng, thích hợp với khí hậu Đà Lạt lạnh ẩm, mưa nhiều với cửa sổ 2 lớp, các lá xếp nghiêng để mưa không tạt vào được; độ ẩm cao mà không khí vẫn lưu thông; tường nhà dày



khoảng 30-40 cm để vừa thay thế chịu lực vừa cách âm, giữ nhiệt giúp ngôi nhà ấm áp trong mùa đông...

Ở Pháp, các nhà đều có tầng hầm nhưng sang Việt Nam, phổ biến là nhà bán hầm nhằm tránh đất ẩm ướt, mưa nhiều.

Khu biệt thự Lê Lai là một trong những điển hình của di sản kiến trúc Pháp tại Đà Lạt. Trải qua thời gian dài hàng thập niên cùng nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, những biệt thự này ngày nay vẫn giữ nguyên hình dáng kiến trúc, với vẻ đẹp cổ kính, cách bài trí nội thất rất tinh tế và có phần xa xỉ của chủ nhân.

Hiện nay, Khu biệt thự Lê Lai đang được tôn tạo, vừa khai thác dịch vụ, vừa tham quan nghỉ dưỡng với tên mới là Khu nghỉ dưỡng Ana Mandara Villas Dalat Resort & Spa. Du khách đến đây sẽ được chiêm ngưỡng các di sản kiến trúc Pháp độc đáo, trải nghiệm những dịch vụ mang tính hoài cổ, thưởng thức các loại rượu vang, món ăn mang phong cách Pháp.

Đây là một trong những hướng đi đúng trong việc bảo tồn, khai thác dịch vụ du lịch thích hợp đối với Khu biệt thự Lê Lai nói riêng và các di sản kiến trúc Pháp ở Đà Lạt nói chung nhằm nắm bắt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách hiện nay. ■



CÂY NHO THÂN GỖ

DS.CKII. NGUYỄN THỌ BIÊN

Cây Nho thân gỗ (tên khoa học *Plinia cauliflora* (Mart.) O.Berg. [*Myrcia Plinia cauliflora* (Vell.) Baill., *Myrciaria cauliflora* (Mart.) O.Berg., có tên gọi khác là Nho Nam Mỹ, Jabuticaba, thuộc họ Sim *Myrtaceae*).

Cây Nho thân gỗ có nguồn gốc từ Brazil, được trồng nhiều nơi trên thế giới, được (Mart.) Kausel nghiên cứu và công bố bằng chứng khoa học đầu tiên vào năm 1956. Tại Brazil, cây Nho thân gỗ thường mọc ở độ cao hơn 910 m, phát triển tốt ở nhiệt độ từ 20-35°C, thích nghi khá tốt trong các môi trường khác nhau như đất, cát, những vùng đất thoát nước tốt, nhưng không chịu được đất mặn. Tại Việt Nam, cây Nho thân gỗ được trồng đầu tiên tại Đà Lạt, sau đó tại miền Tây và nhiều nơi khác; kết quả cho thấy cây phát triển tốt, phù hợp với khí hậu Việt Nam.

Nho thân gỗ là loại cây lâu năm, thân gỗ, cao trên 6 m. Lá mọc đối, hình thoi, màu xanh đậm. Hoa nhỏ, màu trắng, mọc ở thân cây. Quả mọc trên thân, cành cây; ban đầu màu xanh, sau chuyển thành màu hồng, khi chín có màu tím đen; vỏ dày, thịt trắng, vị ngọt, có mùi thơm. Trung bình sau 8-9 năm, cây ra hoa, kết quả; cây càng lâu năm càng cho nhiều quả; các cây ghép có thể cho quả sau 5 năm.

Theo kết quả phân tích, trong 100 g phần thịt quả Nho thân gỗ có 45,7 calo; 0,119 g chất

đạm; 0,01 g chất béo; 12,58 g carbohydrates; 6,3 mg canxi; 9,2 mg Photpho; 0,02 mg thiamine (vitamin B1); 0,02 mg riboflavin (vitamin B2); 0,21 mg niacin (vitamin PP); 22,7 mg acid ascorbic (vitamin C); 1 mg tryptophan; 7 mg lysine. Trong vỏ quả chứa nhiều thành phần hoạt chất Anthocyanins có tác dụng chống oxy hóa; ngoài ra còn chứa punicalagins, punicalins, acid gallagic, acid ellagic...

Quả Nho thân gỗ ngoài để sử dụng ăn như loại trái cây thông thường, còn dùng làm bánh, mứt, nước ép, lên men làm rượu. Tại Brazil, nước sắc từ vỏ quả Nho thân gỗ phơi khô được dùng điều trị ho ra máu, hen suyễn, tiêu chảy, ỉa, viêm amidan.

Căn cứ vào những tài liệu phân tích thành phần hóa học trong quả Nho thân gỗ cho thấy, phần thịt quả giàu chất đạm, chứa nhiều loại vitamin, các loại khoáng chất, đường dùng bồi dưỡng cơ thể; vỏ quả chứa tanin, chất xơ có tác dụng chống oxy hóa, ung thư, chống viêm, tăng sức đề kháng của cơ thể, tốt cho tim mạch, chữa tiêu chảy, giải độc.

Cách sử dụng tốt nhất là ăn quả tươi cả vỏ; xay nhuyễn quả làm nước ép uống hàng ngày; bóc vỏ dùng tươi hoặc phơi khô để dùng.

Quả Nho thân gỗ là một trong 10 loại quả được bình chọn ngon nhất thế giới. ■



Lá, hoa, quả cây Nho thân gỗ *Plinia cauliflora* (Mart.) O.Berg.

Một số hình ảnh

Giao lưu kỷ niệm Ngày Phụ nữ Việt Nam 20.10.2018

GIỮA CĐCS SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG VÀ CĐCS VƯỜN QUỐC GIA BIDOUP - NÚI BÀ



Ngày Du lịch Thế giới 27 Tháng 9

27.9



Năm nay, Ngày Du lịch Thế giới nhấn mạnh sự cần thiết đầu tư vào công nghệ số đột phá để tạo môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo và kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

Chúng ta đang sống trong một thế giới ngày càng kết nối và phụ thuộc lẫn nhau, với những tiến bộ về kỹ thuật số đã làm chuyển đổi cách suy nghĩ và hành vi của chúng ta và khuyến khích sự sáng tạo. Chúng ta không chỉ cần những công cụ mới mà còn cần năng lực và hướng tư duy mới. Vì vậy thông qua gia đình Liên hợp quốc, chúng ta đang tạo ra những mối quan hệ đối tác, những dự án và sáng kiến có tính đổi mới.

Quy mô rộng lớn cùng những tác động của ngành du lịch toàn cầu tới các ngành khác và ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển bền vững đã đưa trách nhiệm xã hội của du lịch lên hàng đầu, đi đôi với việc sáng tạo ở tất cả các cấp.

Khai thác sự sáng tạo và tiến bộ về kỹ thuật số mang đến cho du lịch cơ hội nâng cao tính bao trùm, trao quyền cho cộng đồng địa phương và quản lý tài nguyên hiệu quả, cùng với các mục tiêu khác trong bối cảnh thúc đẩy phát triển bền vững. Chuyển đổi số sẽ mang lại lợi ích cho tất cả các bên và chúng ta đang đảm bảo ngành du lịch có đóng góp cho cam kết toàn cầu này.

Ông Zurab Pololikashvili

Tổng Thư ký Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO)

